

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp phải có đầy đủ 3 yếu tố cơ bản: lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động. Nguyên vật liệu- công cụ dụng (NVL- CCDC) là một trong 3 yếu tố chủ yếu của quá trình sản xuất, nếu thiếu NVL thì doanh nghiệp không thể tiến hành được các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên thực tế, vấn đề không chỉ đơn giản có và sử dụng NVL mà điều quan trọng là phải có và sử dụng có hiệu quả, tránh tình trạng cung cấp thiếu gây ngưng sản xuất hay gây ứ đọng vốn. Bởi vì chi phí NVL chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Muốn vậy phải có một chế độ quản lý thích hợp và toàn diện với NVL từ khâu cung cấp cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và thời hạn cung cấp để đảm bảo hoạt động bình thường của quá trình sản xuất kinh doanh. Hiệu quả quản lý NVL- CCDC quyết định hiệu quả sử dụng vốn lưu động và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Vì vậy, nhất thiết phải xây dựng chu trình quản lý NVL- CCDC một cách khoa học. Điều đó không chỉ có ý nghĩa về mặt kế toán là giúp doanh nghiệp hạch toán NVL- CCDC một cách chính xác mà còn là một vấn đề có ý nghĩa thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Nhận thức vai trò của kế toán đặc biệt là kế toán NVL- CCDC. Sau một thời gian đi sâu tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất ở Công ty, em thấy chi phí nguyên vật liệu của công ty chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành sản phẩm đồng thời là một bộ phận dự trữ quan trọng. Vấn đề khó khăn ở đơn vị thực tế là việc sử dụng NVL-CCDC theo sát những biến động thị trường và sản xuất kinh doanh sao cho sử dụng NVL- CCDC có hiệu quả.

Xuất phát từ vấn đề trên, trên cơ sở những kiến thức có được cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy cô giáo, sự giúp đỡ của nhân viên phòng Kế toán - Tài chính cũng như các phòng ban khác, em chọn đi sâu nghiên cứu chuyên đề “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán NVL- CCDC tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I" làm khoá luận.

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khoá luận gồm 3 chương:

- **Chương I**: Lý luận chung về công tác kế toán NVL-CCDC trong các doanh nghiệp sản xuất.
- **Chương II**: Hình thức tổ chức công tác kế toán tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I.
- **Chương III**: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán NVL- CCDC tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

## **CHƯƠNG I**

# **LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU – CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

### **1. khái niệm, đặc điểm công tác kế toán nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ.**

Nguyên vật liệu là một trong 3 yếu tố không thể thiếu được của bất cứ quá trình sản xuất nào. Dưới hình thái hiện vật, nó thể hiện là một bộ phận của tài sản ngắn hạn, dưới hình thái giá trị nó là một bộ phận của vốn lưu động.

Công cụ dụng cụ là tư liệu lao động, không đủ tiêu chuẩn điều kiện về giá trị và thời gian sử dụng của tài sản cố định, tham gia nhiều vào chu kỳ sản xuất khác nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và giá trị hao mòn dần dịch chuyển từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ song CCDC có giá trị nhỏ thời gian sử dụng ngắn nên được mua sắm dự trữ bằng nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp cũng như đối với NVL.

### **2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ.**

#### **2.1. Phân loại vật liệu, công cụ dụng cụ.**

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp sản xuất phải sử dụng nhiều loại vật liệu công cụ dụng cụ khác nhau. Mỗi loại có công dụng và tính năng lý hoá khác nhau, chính vì vậy muốn quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết từng loại, từng thứ VL- CCDC phục vụ cho nhu cầu quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp cần thiết phải tiến hành phân loại chúng.

Việc phân loại vật liệu công cụ dụng cụ tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp sản xuất cụ thể thuộc từng ngành sản xuất, tùy thuộc vào chức năng kinh tế, chức năng của vật liệu, công cụ dụng cụ mà chúng được chia thành các loại sau:

##### **2.1.1. Phân loại theo nội dung kinh tế và công dụng.**

- Vật liệu chính: đối với doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu chính là đối tượng chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm như xi măng, sắt thép trong

doanh nghiệp xây dựng, cơ khí...

- Vật liệu phụ là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể chính của sản phẩm mà có thể kết hợp với nguyên vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường.

- Nhiên liệu: trong doanh nghiệp sản xuất thì nhiên liệu bao gồm các loại thể rắn, lỏng, khí dùng cho công nghệ sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị hoạt động trong quá trình sản xuất.

- Phụ tùng thay thế: bao gồm các phụ tùng chi tiết dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải.

- Thiết bị xây dựng cơ bản: gồm các thiết bị phương tiện lắp đặt các công trình xây dựng cơ bản của doanh nghiệp.

- Vật liệu khác: là loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất, thanh lý tài sản, có thể sử dụng bán ra ngoài hoặc đưa vào sản xuất khác như phôi thép vụn, vải vụn.....

### **2.1.2. Phân loại theo nguồn hình thành.**

- Vật liệu nhập do mua ngoài.

- Vật liệu nhập do tự gia công, chế biến, nhận vốn kinh doanh

\* Ngoài ra công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp cũng được phân loại theo nhiều chức năng bao gồm:

- Dụng cụ chuyên dùng cho sản xuất: cuốc, xẻng, phao bè...

- Dụng cụ quản lý bảo hộ lao động

Để phục vụ cho công tác quản lý thì kế toán chia thành:

- Công cụ dụng cụ

- Bao bì luân chuyển

- Đồ dùng cho thuê

Như vậy tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và kế toán chi tiết từng doanh nghiệp mà trong từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ nêu trên được chia thành từng nhóm một cách chi tiết hơn.

## **2.2. Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.**

Đánh giá NVL- CCDC là dùng thước đo tiền tệ để xác định giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong công tác hạch toán và quản lý sản xuất kinh doanh.

Theo quy định hiện hành, kế toán Nhập - Xuất – Tồn kho NVL- CCDC trong doanh nghiệp phải được hạch toán theo giá thực tế. Song do NVL- CCDC có nhiều loại lại thường xuyên biến động trong quá trình sản xuất, để đơn giản và giảm bớt khối lượng tính toán ghi chép hàng ngày kế toán NVL- CCDC trong một số trường hợp có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán. Giá hạch toán là giá do doanh nghiệp quy định và được sử dụng ổn định trong một thời gian dài (1 kỳ, 1 năm)

### **2.2.1. Đánh giá vật liệu công cụ dụng cụ theo giá thực tế.**

#### **2.2.1.1. Giá thực tế nhập kho.**

Trong các doanh nghiệp sản xuất, vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau do đó giá thực tế của chúng cũng khác nhau. Về nguyên tắc giá vật liệu nhập kho được xác định theo giá thực tế bao gồm toàn chi phí hình thành vật liệu đó cho đến lúc nhập kho. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá thực tế của vật liệu được xác định cụ thể như sau:

Đối với Nguyên vật liệu mua ngoài: Giá thực tế của Nguyên vật liệu gồm giá mua ghi trên hoá đơn cộng với thuế nhập khẩu( nếu có) cộng với chi phí thu mua (bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí thuê kho, bến bãi,...) trừ đi các khoản giảm giá hàng mua được hưởng.

Doanh nghiệp có thể áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoặc phương pháp trực tiếp. Tùy theo từng phương pháp tính mà giá thực tế của vật liệu có thuế GTGT hay không.

+ Nếu Doanh nghiệp áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{chưa tính} \\ \text{thuế GTGT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{nhập} \\ \text{khẩu} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{(Giảm giá,CKTM...)} \end{array}$$

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

+ Nếu Doanh nghiệp áp dụng thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Thuế} & \text{Chi phí} & \text{Các} \\ \text{của VL} & = & \text{đã có} & \text{thu} & \text{khoản} \\ \text{nhập kho} & & \text{thuế GTGT} & \text{nhập} & \text{giảm trừ} \\ & & & \text{khấu} & \text{mua} \\ & & & & \text{giảm trừ} \\ & & & & \text{(Giảm giá,CKTM...)} \end{array}$$

- Đối với Nguyên vật liệu tự gia công, chế biến:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Chi phí} & & \\ \text{của VL} & = & \text{của VL} & + & \text{chế biến} \\ \text{nhập kho} & & \text{xuất chế biến} & & \text{thực tế} \end{array}$$

- Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Chi phí} & \text{Chi phí} & \\ \text{của VL} & = & \text{của VL} & + & \text{vận chuyển} \\ \text{nhập kho} & & \text{xuất chế biến} & + & \text{bốc dỡ.} \end{array}$$

- Với vật liệu nhận đóng góp từ các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia liên doanh: Giá thực tế là giá thoả thuận do các bên xác định cộng với các chi phí tiếp nhận (nếu có).

- Với vật liệu được tặng, thưởng: Giá thực tế tính theo giá thị trường tương đương cộng thêm chi phí liên quan đến việc tiếp nhận.

- Phế liệu thu hồi nhập kho: Giá thực tế được tính trên cơ sở giá có thể bán ra trên thị trường hay giá trị thu hồi tối thiểu.

### **2.2.1.2. Xác định giá vốn thực tế Nguyên vật liệu xuất kho.**

Vật tư được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó, khi xuất vật tư tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện trang bị phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng Doanh nghiệp mà lựa chọn một trong các phương pháp sau để xác định giá vốn thực tế vật liệu xuất kho:

***\*Phương pháp tính theo giá đích danh:***

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho.

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

Phương pháp này được áp dụng cho những Doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít và nhận diện được từng lô hàng.

Ưu điểm: Chính xác và theo chặt chẽ thời hạn bảo quản của từng loại vật tư.

Nhược điểm: Đòi hỏi Doanh nghiệp phải có điều kiện kho tàng để bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho, công tác chặt chẽ, phức tạp.

### ***\*Phương pháp bình quân gia quyền:***

Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho được tính căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, tính theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế vật tư xuất kho} = \text{Số lượng vật tư xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Trong đó:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kì dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL- CCDC tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế NVL- CCDC nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL- CCDC tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVLCCDC nhập trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn. Theo cách tính này, xác định được giá vốn thực tế vật tư hàng ngày cung cấp thông tin kịp thời. Tuy nhiên, khối lượng công việc tính toán công việc sẽ lớn hơn nên phương pháp này rất thích hợp với những Doanh nghiệp đã làm kế toán máy.

Ưu điểm: Tính giá vật liệu xuất kho chính xác.

Nhược điểm: Phương pháp này chỉ tiến hành vào cuối tháng nên khối lượng công việc nhiều ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

### ***\*Phương pháp nhập trước xuất trước(FIFO):***

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước thì sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

Ưu điểm: Việc tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp này đơn giản nhưng chính xác.

Nhược điểm: Khối lượng công việc ghi chép và theo dõi hạch toán chi tiết nhiều, phải tiến hành công phu.

### ***\*Phương pháp nhập sau, xuất trước( LIFO):***

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

Ưu điểm: Việc tính giá vật liệu đơn giản hơn phương pháp nhập trước xuất trước.

Nhược điểm: Khối lượng công việc ghi chép và theo dõi hạch toán chi tiết vẫn còn phức tạp.

### ***\*Phương pháp tính theo giá hạch toán:***

Theo phương pháp này thì giá hạch toán của vật tư là giá do Doanh nghiệp tự quy định ( Có thể lấy giá kế hoạch hoặc giá mua tại một thời điểm nào đó ) và được sử dụng thống nhất ở Doanh nghiệp trong một thời gian dài. Hàng ngày sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá trị vật liệu nhập, xuất. Cuối kỳ kế toán tính ra trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho theo hệ số giá.

$$\text{Hệ số giá( H) = } \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{vật tư tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{vật tư nhập trong kỳ.} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Trị giá hạch toán} \\ \text{vật tư tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá hạch toán} \\ \text{vật tư nhập trong kỳ.} \end{array}}$$

*Trong đó:*

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{vật tư xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá hạch toán} \\ \text{vật tư xuất kho} \end{array} * \text{Hệ số giá(H)}$$

Phương pháp này thường được áp dụng cho các Doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, số lần nhập, xuất lớn.



## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

Ưu điểm: Việc hạch toán đơn giản hơn, giảm nhẹ công tác kế toán và tăng cường công tác quản lý.

Nhược điểm: Công tác kế toán dồn vào cuối kỳ.

### ***\*Phương pháp tính theo đơn giá tồn đầu kỳ:***

Phương pháp này tính giá trị giá vốn thực tế vật tư xuất kho được tính trên cơ sở số lượng vật tư xuất kho và đơn giá thực tế vật tư tồn đầu kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{vật tư xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng vật tư} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này áp dụng với những Doanh nghiệp có nhiều chủng loại, quy cách, mẫu mã khác nhau, giá trị thấp được xuất dùng thương xuyên mà Doanh nghiệp không có điều kiện kiểm kê từng nghiệp vụ xuất kho.

Ưu điểm: Xác định giá vật liệu xuất dùng trong kỳ nhanh.

Nhược điểm: Tính giá vật liệu xuất dùng trong kỳ không kịp thời, khi xuất kho vật liệu khó xác định mất mát, thiếu hụt trong công tác quản lý vật liệu.

Mỗi phương pháp tính giá Nguyên vật liệu xuất kho đều có ưu nhược điểm nhất định. Tùy theo đặc điểm riêng của từng Doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp tính giá phù hợp để đạt hiệu quả cao trong công tác kế toán.

### ***3. Yêu cầu quản lý NVL- CCDC và nhiệm vụ kế toán.***

#### ***3.1. Yêu cầu quản lý vật liệu.***

- Quản lý NVL- CCDC là công việc đặc biệt quan trọng đối với bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất nào. Thực hiện công tác quản lý NVL- CCDC tốt sẽ hạn chế được những mất mát, hư hỏng rủi ro, thiệt hại trong quá trình sản xuất kinh doanh. Quản lý tốt NVL- CCDC còn là điều kiện để xác định hiệu quả kinh doanh và đánh giá tài sản đơn vị một cách đầy đủ trung thực khách quan của thông tin trình bày trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Với ý nghĩa đó quản lý NVL- CCDC phải chặt chẽ ở mọi khâu thu mua, vận chuyển bảo quản, dự trữ sử dụng.

- NVL- CCDC là những tài sản lưu động của doanh nghiệp mà ở các doanh nghiệp thường xuyên mua NVL- CCDC để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất sản phẩm và các nhu cầu khác ở doanh nghiệp. Do vậy ở khâu thu mua

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ về mặt khối lượng, quy cách, chủng loại, giá mua và các chi phí thu mua sao cho phù hợp và đúng tiến độ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tổ chức tốt kho tàng bến bãi thực hiện đúng quy chế bảo quản đối với từng loại vật tư, tránh hư hỏng, mất mát lãng phí, hao hụt vật liệu.

- Quản lý trong khâu sử dụng: sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức tiêu hao vật liệu trong giá thành sản phẩm đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Do vậy, trong khâu này cần tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh đúng tình hình xuất nhập vật liệu.

- Quản lý khâu dự trữ: doanh nghiệp phải xác định dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại vật liệu đảm bảo cho quá trình sản xuất thông suốt không bị ngưng trệ, gián đoạn do việc cung ứng vật tư không kịp thời hoặc gây tình trạng ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

- Vì vậy, quản lý NVL- CCDC từ khâu mua tới khâu bảo quản sử dụng và dự trữ là một trong những khâu quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải cải tiến quản lý cho phù hợp với thực tế sản xuất của đơn vị mình.

### **3.2. Nhiệm vụ của kế toán NVL- CCDC .**

Để thực hiện chức năng giám đốc là công cụ quản lý kinh tế, xuất phát từ vị trí của kế toán trong quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp và nhất là đáp ứng được các yêu cầu quản lý về vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu và tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập xuất kho NVL- CCDC, tính giá thành thực tế của vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho.

- Thực hiện tốt việc đánh giá phân loại NVL- CCDC phù hợp với nguyên tắc, yêu cầu quản lý thống nhất của nhà nước và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

- Kiểm tra tình hình thực hiện thu mua NVL- CCDC về số lượng, chất lượng thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp vật tư đủ, kịp thời cho quá trình sản xuất.

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

- Tổ chức chứng từ kế toán, tài khoản sổ sách kế toán phù hợp với phương thức hạch toán hàng tồn kho áp dụng cho các doanh nghiệp để ghi chép, phân loại tổng hợp số liệu về tình hình hiện có và sự động tăng giảm NVL- CCDC trong quá trình sản xuất cung cấp số liệu kịp thời để tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Tham gia vào việc phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu mua thanh toán với nhà cung cấp và sử dụng vật liệu trong quá trình sản xuất.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu công cụ dụng cụ. Phát hiện ngăn ngừa và đề xuất các biện pháp xử lý các vật liệu thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất.

### **4. Phương pháp hạch toán nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ**

#### **4.1. Kế toán chi tiết NVL- CCDC .**

##### **4.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.**

Các hoạt động nhập xuất kho NVL- CCDC thường xuyên diễn ra trong các doanh nghiệp sản xuất.

Để quản lý chặt chẽ và theo dõi tình hình biến động của NVL- CCDC kế toán phải lập các chứng từ cần thiết một cách kịp thời, đầy đủ chính xác về NVL- CCDC theo chế độ quy định của Bộ tài chính ban hành.

Những chứng từ kế toán hợp pháp sau này sẽ là cơ sở để ghi vào sổ thẻ chi tiết, bảng tổng hợp ... mục đích là để kiểm tra giám sát tình hình biến động và số liệu có của vật liệu nhằm thực hiện có hiệu quả việc quản lý NVL- CCDC phục vụ đầy đủ nhu cầu cho quá trình sản xuất.

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định của Bộ tài chính các vấn đề về NVL- CCDC bao gồm : Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hoá đơn.

- Phiếu nhập kho (mẫu số 01 – VT) theo QĐ: 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Phiếu xuất kho (mẫu số 02 – VT) theo QĐ: 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Hoá đơn GTGT (mẫu số 01 – GTGT) theo QĐ: 885/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

#### **4.1.2. Sổ chi tiết vật liệu – công cụ dụng cụ.**

Sổ chi tiết NVL- CCDC phục vụ cho việc hạch toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến đối tượng kế toán cần hạch toán chi tiết.

Tuỳ thuộc vào phương pháp hạch toán chi tiết của từng doanh nghiệp mà sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết sau:

- Sổ (thẻ) kho
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu
- Sổ đối chiếu luân chuyển
- Sổ số dư

*\* Nội dung và cách ghi sổ như sau.*

- Hằng ngày căn cứ vào phiếu vào phiếu nhập, phiếu xuất ghi số lượng nhập kho và tính ra số tồn kho.

- Mỗi thứ vật liệu, công cụ dụng cụ được theo dõi ở một thẻ kho theo chỉ tiêu số lượng.

- Cuối tháng sau khi tổng hợp phiếu nhập, phiếu xuất kho phải cộng tổng số lượng nhập, tổng số lượng xuất trong tháng tính ra số lượng tồn kho cuối tháng.

- Các sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, sổ đối chiếu luân chuyển, sổ số dư của vật liệu phục vụ cho việc ghi chép sổ kế toán được đơn giản, nhanh chóng và kịp thời để phục vụ yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

#### **4.1.3. Phương pháp kế toán chi tiết vật liệu- công cụ dụng cụ.**

Có 3 phương pháp hạch toán chi tiết NVL- CCDC nói riêng và hạch toán hàng tồn kho nói chung đó là:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mỗi phương pháp đều có ưu điểm nhược điểm riêng. Trong đó việc tổ chức hạch toán chi tiết NVL- CCDC giữa kho và phòng kế toán cần có sự nghiên cứu. Hơn nữa, tuỳ thuộc vào loại hình quy mô, lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh mà lựa chọn phương pháp thích hợp với điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp.

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

Như vậy đòi hỏi các nhà quản lý phải nắm vững các nội dung ưu, nhược điểm và điều kiện áp dụng của mỗi phương pháp mà lựa chọn cho doanh nghiệp mình một phương pháp hạch toán phù hợp.

*A. Phương pháp ghi thẻ song song:*

\*Nội dung:

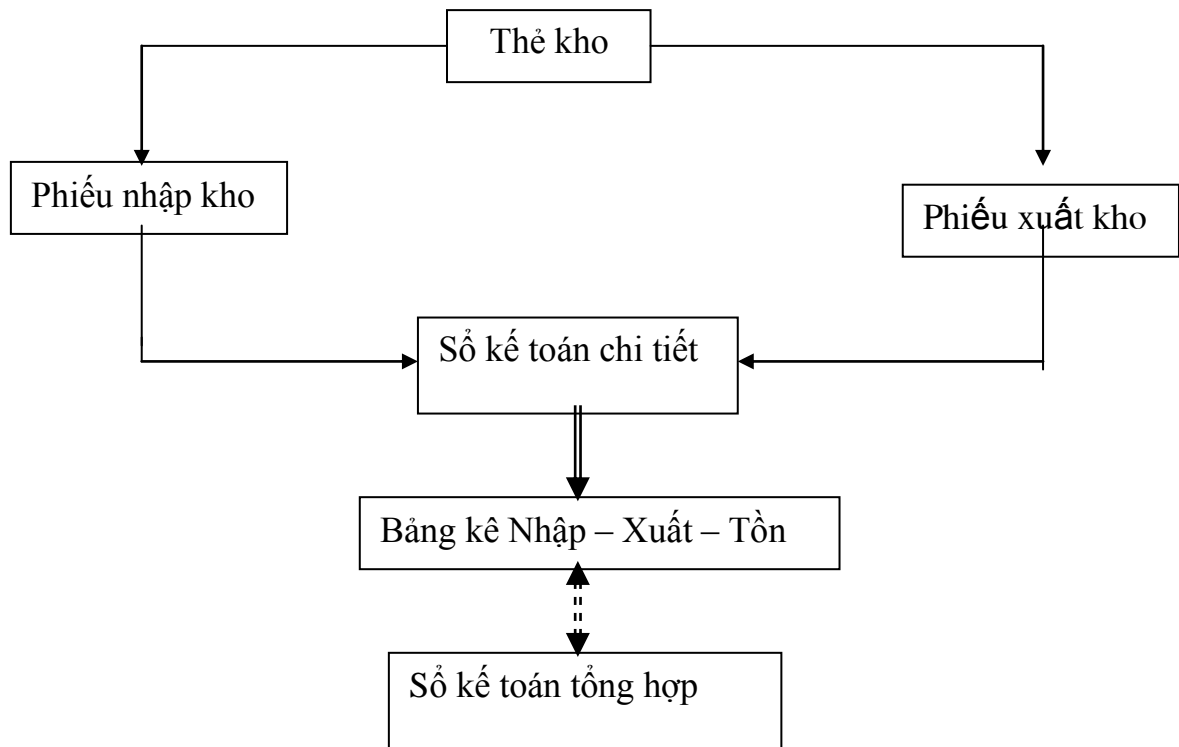
- *Ở kho:* Thủ kho dùng “ thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật tư theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận chứng từ nhập, xuất vật tư, hàng hoá thì thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhận, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi các chứng từ nhập – xuất đã phân loại theo từng thư vật tư, hàng hoá cho phòng kế toán.

- *Ở phòng kế toán:* Kế toán sử dụng sổ ( thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập – xuất cho từng loại vật liệu theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị. Kế toán khi nhận được chứng từ nhập- xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm kê lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ; căn cứ vào các chứng từ nhập – xuất kho để ghi vào sổ( thẻ), kế toán chi tiết vật tư, hàng hoá , mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng, kế toán lập Bảng kê nhập- xuất- tồn, sau đó đối chiếu:

- + Đối chiếu sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho.
- + Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng kê nhập- xuất- tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.
- + Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

Trình tự hạch toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song:



*Ghi chú:*

- *Ghi hàng ngày*
- ==> *Ghi cuối tháng*
- .....> *Đối chiếu hàng ngày*
- ←====> *Đối chiếu cuối tháng*

\*Ưu điểm: Ghi chép dễ dàng, dễ kiểm tra và đối chiếu.

\*Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng và khối lượng ghi chép còn nhiều.

\*Điều kiện áp dụng: Thích hợp với những Doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hoá; việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên. Đặc biệt, trong điều kiện Doanh nghiệp đã làm kế toán máy thì phương pháp này vẫn áp dụng cho những Doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư hàng hoá diễn ra thường xuyên. Do đó, xu hướng phương pháp này sẽ được áp dụng ngày càng rộng rãi.

**B. Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển:**

\*Nội dung:

- Ở kho: Thủ kho sử dụng “ thẻ kho” để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.

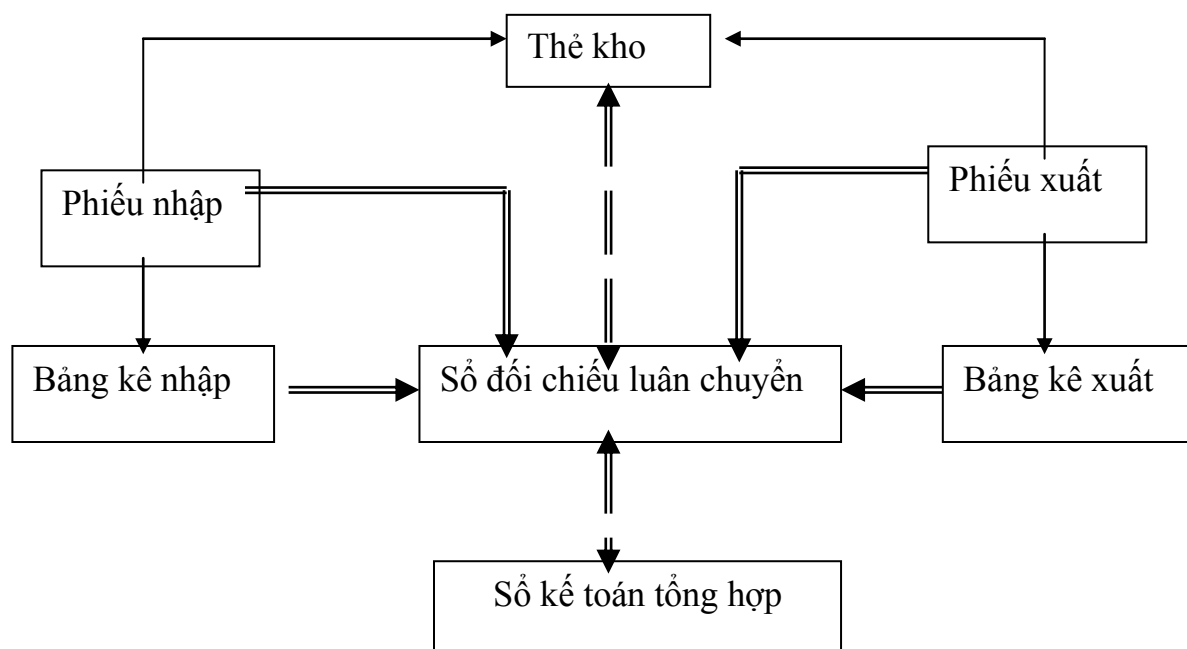
- Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng “ Sổ đối chiếu luân chuyển” để ghi chép cho từng thứ vật tư, hàng hoá theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị. “ Sổ đối chiếu luân chuyển” được mở cho cả năm và được ghi vào cuối tháng, mỗi thứ vật tư, hàng hoá được ghi vào một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được chứng từ nhập- xuất kho, kế toán tiến hành kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó tiến hành phân loại chứng từ theo từng loại vật tư, hàng hóa, chứng từ nhập riêng và chứng từ xuất riêng. Hoặc kế toán có thể lập “ Bảng kê nhập”, “ Bảng kê xuất”.

Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ các chứng từ (hoặc từ bảng kê ) để ghi vào “ sổ đối chiếu luân chuyển”, cột luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng.

Việc đối chiếu số liệu được tiến hành giống như phương pháp ghi thẻ song song ( nhưng chỉ tiến hành vào cuối tháng )

**Hạch toán chi tiết theo phương pháp đối chiếu luân chuyển:**



*Ghi chú*

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu cuối tháng

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

\*Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

\*Nhược điểm: Phương pháp này vẫn còn ghi trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng; việc kiểm tra đối chiếu giữa thủ kho và phòng kế toán chỉ tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế cho công tác kiểm tra của kế toán.

\*Điều kiện áp dụng: Thích hợp với các Doanh nghiệp có chủng loại vật tư, hàng hoá ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập- xuất hàng ngày; phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

### ***C. Phương pháp ghi sổ số dư:***

\*Nội dung:

- Tại kho: Thủ kho vẫn sử dụng “ thẻ kho” để ghi chép như 2 phương pháp trên. Đồng thời, cuối tháng, thủ kho còn ghi vào “ Sổ số dư” số tồn kho như cuối tháng của từng vật tư, hàng hoá vào cột số lượng.

“ Sổ số dư” do kế toán lập cho từng kho, được mở cho cả năm. Trên “ Sổ số dư” vật tư, hàng hoá được sắp xếp thứ, nhóm, loại; sau mỗi nhóm, thứ, loại có dòng cộng nhóm, cộng loại. Cuối mỗi tháng, “ Sổ số dư” được chuyển cho thủ kho để ghi chép.

- Tại phòng kế toán: Kế toán định kỳ xuống kho kiểm tra việc ghi chép trên “ Thẻ kho” của thủ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập - xuất kho. Sau đó, kế toán viên ký xác nhận vào từng thẻ kho và ký vào phiếu giao nhận chứng từ.

Tại phòng kế toán, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp giá trị( giá hạch toán) theo từng nhóm, loại vật tư, hàng hoá để ghi chép vào cột “ Số tiền” trên “ Phiếu giao nhận chứng từ”, số liệu này được ghi vào “ Bảng kê lũy kế nhập” và “ Bảng kê lũy kế xuất” vật tư, hàng hoá.

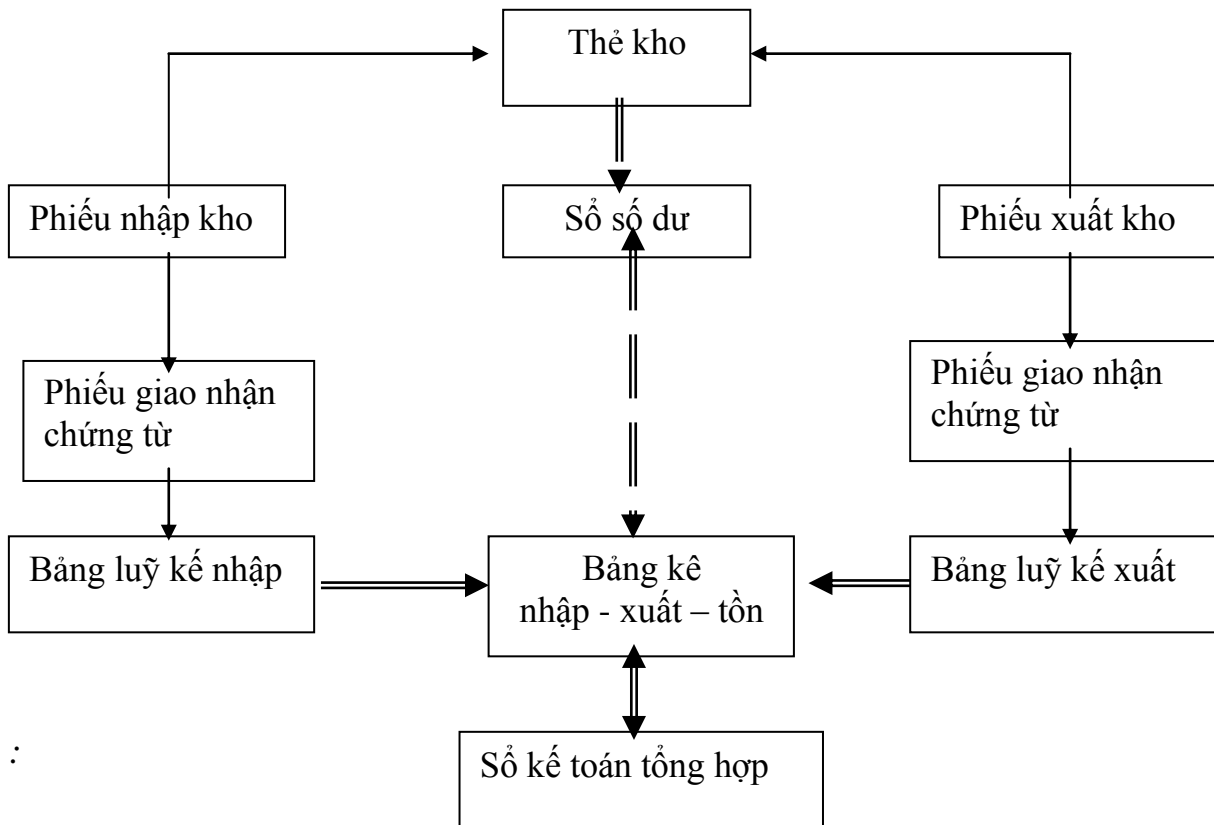
Cuối tháng, căn cứ vào “ Bảng kê lũy kế nhập” và “ Bảng kê lũy kế xuất” để cộng dồn tổng số tiền theo từng nhóm vật tư, hàng hoá để ghi vào “ Bảng kê nhập – xuất – tồn”. Đồng thời, sau khi nhận được “sổ số dư” do thủ kho chuyển lên, kế toán căn cứ vào cột số dư về số lượng và đơn giá hạch toán của từng loại vật tư, hàng hoá tương ứng để tính ra số tiền ghi vào cột “ số dư” bằng tiền.



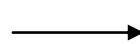
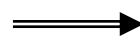
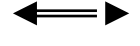
**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I**

Kế toán đối chiếu số liệu trên cột số dư bằng tiền của “ Sổ số dư” với cột trên “Bảng kê nhập – xuất – tồn”. Đối chiếu số liệu trên “Bảng kê nhập – xuất – tồn” với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

**Kế toán chi tiết theo phương pháp ghi sổ số dư:**



*Ghi chép*

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi cuối tháng
-  Đối chiếu hàng ngày

**\*Ưu điểm:**

+ Giảm được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và ghi theo nhóm vật tư, hàng hoá.

+ Phương pháp này đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện kiểm tra được thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho.

+ Công việc được dàn đều trong tháng.

**\*Nhược điểm:**

+ Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng vật tư, hàng hoá nên để có thông tin về tình hình nhập – xuất – tồn của từng vật tư, hàng hoá nào thì phải căn cứ vào số liệu ghi trên thẻ kho.

+ Việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán rất phức tạp.

**\*Điều kiện áp dụng:**

+ Doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá; việc nhập – xuất – tồn diễn ra thường xuyên.

+ Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư, hàng hoá hợp lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

#### **4.2. Kế toán tổng hợp vật liệu – công cụ dụng cụ.**

Hạch toán tổng hợp NVL- CCDC là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh kiểm tra và giám sát các đối tượng hạch toán kế toán có nội dung kinh tế ở dạng tổng quát. Giữa hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết có mối quan hệ mật thiết với nhau. Về mặt quản lí, chúng hình thành một tổng thể hoàn chỉnh các thông tin phục vụ cho công tác quản lí nhà nước, tổ chức kinh tế của một doanh nghiệp và trong nội bộ doanh nghiệp. Về mặt ghi chép có thể là hệ thống chứng từ thống nhất do đó đảm bảo cho sự kiểm tra đối chiếu gần nhau.

Từ đặc điểm trên ta thấy sự phân chia hạch toán NVL- CCDC thành 2 bộ phận là hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp là cần thiết trong việc quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ trong công tác kế toán.

NVL- CCDC là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho của doanh nghiệp việc theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn kho phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hay phương pháp kiểm kê định kỳ.

\* Phương pháp kê khai thường xuyên: là phương pháp ghi chép phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập - xuất - tồn kho các loại NVL- CCDC , thành phẩm, hàng hoá trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp kho các chứng

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

từ nhập – xuất – tồn kho. Như vậy việc xác định giá trị vật liệu xuất dùng căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất nhập kho sau khi đã tập hợp phân loại theo đối tượng sử dụng để ghi chép vào các tài khoản, sổ kế toán.

\* Phương pháp kiểm kê định kỳ : là phương pháp không theo dõi liên tục thường xuyên tình hình nhập - xuất hàng tồn kho trên các tài khoản hàng tồn kho mà chỉ theo dõi phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ căn cứ vào số liệu kiểm kê định kỳ hàng tồn kho. Việc xác định giá trị vật liệu xuất dùng trên tài khoản kế toán tổng hợp không căn cứ vào giá trị thực tế vật liệu tồn kho đầu kỳ, nhập trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính. chính vì vậy trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị xuất bán cho từng đối tượng có nhu cầu khác nhau, không thể hiện tổng kết được số mất mát, hư hỏng, tham ô...(nếu có)

### **4.2.1. Kế toán tổng hợp NVL- CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)**

#### **4.2.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng.**

Kế toán tổng hợp NVL- CCDC sử dụng các tài khoản : TK151, TK152, TK153, TK331, TK133, TK159....

\* TK151 “hàng mua đang đi đường” dùng phản ánh trị giá của các loại hàng hoá vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa về nhập kho còn đang trên đường vận chuyển ở bến bãi... hoặc về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

\* TK152 “nguyên vật liệu” dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình tăng giảm các loại nguyên vật liệu tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp .

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK152

#### Bên nợ:

- Trị giá thực tế của của NVL nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, nhận vốn góp liên doanh, được cấp dịch vụ từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của NVL tồn kho cuối kỳ (phương pháp kiểm kê định kỳ)

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

Bên có:

- Trị giá nguyên vật liệu xuất kho
- Triết khấu giảm giá hàng bán bị trả lại
- Kết chuyển giá trị NVL tồn kho đầu kỳ (phương pháp kiểm kê định kỳ)

Số dư bên nợ:

Tài khoản 152 còn được mở thành các TK cấp II để kế toán chi tiết từng loại vật liệu phù hợp.

- + TK1521: Nguyên liệu, vật liệu chính
- + TK1522: Vật liệu phụ
- + TK1523: Nhiên liệu
- + TK 1524: Phụ tùng thay thế
- + TK1526: Thiết bị xây dựng cơ bản
- + TK1528: Vật liệu khác

\* TK 153 “ Công cụ dụng cụ” tài khoản này được theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng giảm của các công cụ dụng cụ theo giá trị thực tế có thể mở chi tiết theo từng loại từng nhóm tùy yêu cầu quản lý.

Bên nợ:

- Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm tăng giá thực tế của công cụ dụng cụ nhỏ trong kì (mua ngoài, tự sản xuất, nhận vốn góp, phát hiện thừa...)
- Giá trị công cụ dụng cụ tồn cuối kỳ (phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên có:

- Phản ánh giá trị thực tế CCDC xuất kho
- Triết khấu giảm giá hàng mua bị trả lại
- Kết chuyển giá trị CCDC tồn kho đầu kỳ (theo phương pháp kiểm kê)

Dư nợ : giá thực tế của công cụ dụng cụ tồn kho

Tài khoản này được chia làm 3 tài khoản cấp II

- + TK 1531: Công cụ dụng cụ
- + TK 1532: Bao bì luân chuyển
- + TK 1533: Đồ dùng cho thuê

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

\* TK331 “Phải trả người bán” tài khoản này phản ánh tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho doanh nghiệp cho người bán vật tư hàng hoá, người cung cấp lao vụ dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã kí kết, tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây dựng cơ bản.

Tài khoản 331 được mở chi tiết theo dõi từng đối tượng cụ thể. Khi lập bảng cân đối kế toán, số số dư chi tiết bên nợ được ghi vào chi tiêu phải trả cho người bán.

\* TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” dùng để phản ánh các chi phí NVL sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm.

Bên nợ: giá trị thực tế NVL xuất dùng cho sản xuất trực tiếp sản phẩm hay thực hiện lao vụ dịch vụ.

Bên có: Giá trị thực tế của NVL xuất dùng không hết, kết chuyển chi phí NVL trực tiếp.

\* TK 133 “thuế giá trị gia tăng được khấu trừ”

Bên nợ: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Bên có:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ
- Kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ
- Số thuế GTGT của hàng mua bị trả lại
- Số thuế GTGT đầu vào được hoàn trả lại

Dư nợ: số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ, hoàn lại nhưng ngân sách nhà nước chưa thanh toán.

Ngoài các tài khoản trên kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan như tài khoản TK 111, TK112, TK141, TK128, TK228, TK627, TK641, TK642, ....

### **4.2.1.2. Phương pháp kế toán tổng hợp vật liệu, công cụ dụng cụ.**

NVL- CCDC trong các danh nghiệp tăng do nhiều nguyên nhân khác nhau: tăng do mua ngoài, do tự chế hoặc thuê ngoài gia công chế biến, tăng do nhận vốn góp liên doanh từ các đơn vị cá nhân khác. kế toán phải phản ánh kịp thời các nội dung cấu thành nên giá trị thực tế của vật liệu nhập kho vào các tài khoản sổ kế toán tổng hợp. Đồng thời phản ánh tình hình thanh toán với người

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

bán và các đối tượng khác một cách kịp thời. Cuối tháng tiến hành tổng hợp số liệu để kiểm tra đối chiếu với các số liệu kế toán chi tiết.

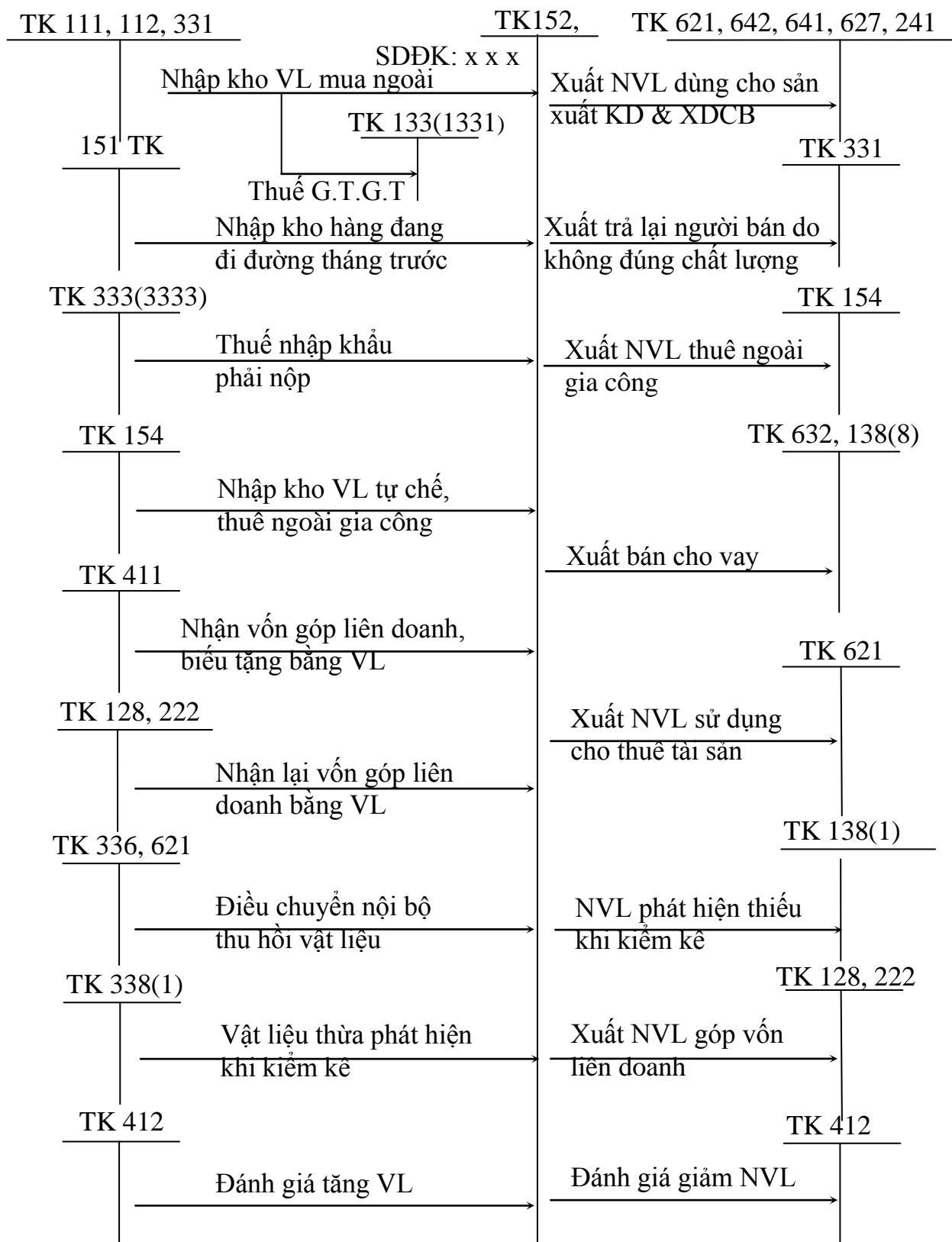
Ngược lại NVL- CCDC trong các doanh nghiệp sản xuất giảm chủ yếu do các nghiệp vụ xuất kho dùng cho sản xuất chế tạo sản phẩm cho nhu cầu quản lý doanh nghiệp hoặc đem góp vốn liên doanh.

Các nghiệp vụ xuất kho vật liệu cũng phải được lập theo đúng quy định. Trên cơ sở các chứng từ xuất kho kế toán sử dụng và tính giá thực tế xuất kho để ghi vào các tài khoản sổ kế toán tổng hợp.

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

**Sơ đồ kế toán vật liệu**

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



#### **4.2.2. Kế toán tổng hợp vật liệu- công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)**

Kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi tổ chức liên tục tình hình nhập xuất vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho tương ứng giá trị hàng hoá vật tư mua vào chỉ được phản ánh trên TK611 “mua hàng”. Còn các tài khoản hàng tồn kho chỉ dùng để phản ánh hàng tồn kho lúc đầu kỳ và cuối kỳ. Hơn nữa giá hàng tồn kho lại không căn cứ vào số liệu trên các tài khoản, sổ kế toán mà lại căn cứ vào kết quả kiểm kê. Song song với việc mua vào là quá trình xuất kho vật tư cũng không căn cứ trực tiếp vào chứng từ xuất kho để tổng hợp phân loại theo các đối tượng sử dụng rồi ghi sổ mà căn cứ vào kết quả kiểm kê lúc cuối kỳ và được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vật liệu} & & \text{Trị giá vật liệu} & & \text{Trị giá vật liệu} & & \text{Trị giá vật liệu} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn kho} & + & \text{mua vào} & - & \text{tồn kho} \\ \text{trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Với cơ sở và trị giá xuất kho như trên thì giá xuất kho là một con số tổng hợp không thể hiện được giá trị vật tư, hàng hoá xuất kho cho từng đối tượng từng nhu cầu là bao nhiêu. Còn phản ánh tình hình thanh toán với người bán vật tư hạch toán giống như phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất có quy mô nhỏ chỉ tiến hành một loại hoạt động hoặc các doanh nghiệp thương mại các mặt hàng có giá trị thấp.

\* Tài khoản sử dụng:

- TK152, TK151 không dùng để theo dõi thực hiện xuất nhập trong kì mà chỉ dùng để kết chuyển giá trị thực tế vật liệu và hàng hoá mua đang đi đường lúc đầu kì, cuối kì vào tài khoản TK611.

- TK611: “mua hàng” dùng để phản ánh giá trị thực tế của số vật tư hàng hoá mua vào, xuất dùng trong kì.

Ngoài ra còn sử dụng một số tài khoản khác như phương pháp KKTX.



### **4.3. Tổ chức sổ kế toán.**

Để tiến hành ghi chép sổ sách và xác định giá trị vật liệu nhập – xuất – tồn vật liệu- công cụ dụng cụ, kế toán tại doanh nghiệp sản xuất có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán. Mỗi hình thức có hệ thống sổ sách riêng, các hình thức hạch toán riêng.

Theo chế độ kế toán hiện hành của Bộ tài chính ban hành ở nước ta hiện tồn tại 5 hình thức sổ kế toán.

Năm hình thức sổ kế toán tổng hợp là:

- Hình thức nhật ký - sổ cái
- Hình thức nhật ký chung
- Hình thức nhật ký – chứng từ
- Hình thức chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

*\* Nguyên tắc và những đặc trưng cơ bản của hình thức sổ kế toán tổng hợp.*

- *Đối với hình thức nhật ký chung:* Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi chép vào sổ nhật kí mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán các nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật kí để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các loại sổ kế toán chủ yếu :

- +Sổ nhật kí chung
- + Sổ nhật kí đặc biệt
- +Sổ cái
- +Các sổ thẻ kế toán chi tiết

- *Đối với hình thức nhật ký – sổ cái:* Đặc trưng cơ bản là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trật tự thời gian với trình tự ghi sổ phân loại theo hệ thống toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh vào một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật ký – sổ cái.

Tách biệt việc ghi chép kế toán tổng hợp với việc ghi chép kế toán chi tiết vào hai loại sổ kế toán khác nhau là sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

Không cần lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ vì kế toán có thể kiểm tra tính chính xác của việc ghi sổ cái ở dòng cộng cuối kỳ của Nhật ký – sổ cái.

Các loại sổ sử dụng theo hình thức nhật ký sổ cái.

+Sổ Nhật ký sổ cái

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

- *Đối với hình thức Nhật kí - chứng từ:* Đặc trưng cơ bản của Nhật ký chứng từ là sổ kế toán tổng hợp dùng để phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên “Có” của mỗi tài khoản chỉ tập trung phản ánh trên Nhật ký – chứng từ và từ Nhật ký – chứng từ sẽ phải ghi vào Sổ cái một lần cuối tháng.

Các loại sổ sử dụng;

+ Nhật ký chứng từ

+Bảng kê

+ Sổ cái

+Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

- *Đối với hình thức chứng từ ghi sổ:* Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán bao gồm :

+ Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

+Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng kí chứng từ ghi sổ) và có chứng từ gốc đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các loại sổ kế toán chủ yếu :

+ Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái

+Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Vật liệu công cụ dụng cụ có vai trò hết sức quan trọng trong việc cấu thành lên thực thể của sản phẩm. Việc quản lý chặt chẽ vật liệu công cụ dụng cụ từ khâu thu mua, vận chuyển, đưa vào sản xuất tránh được những hao hụt mất mát đảm

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

bảo cho chất lượng sản phẩm đúng quy định hợp đồng không làm chậm tiến độ thi công. Điều này sẽ làm nâng cao uy tín trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp để có thể đứng vững trên thị trường bên cạnh đối thủ cạnh tranh hết sức gay gắt. Vì mỗi doanh nghiệp có quy trình sản xuất riêng, cách tổ chức quản lý, sản xuất riêng biệt cho nên không thể vận dụng nó theo một cách khuôn mẫu nào mà phải luôn luôn tìm tòi sáng tạo phát huy những năng lực có sẵn để luôn phù hợp với cơ chế thị trường. Bất kì các doanh nghiệp nào cũng phải đối đầu với những khó khăn thử thách vì vậy không phải lúc nào công việc sản xuất kinh doanh cũng được suôn sẻ mà những rủi ro kinh doanh thì không phải không có. Nhưng quan trọng là các doanh nghiệp phải nắm bắt được những tình hình thực tế của doanh nghiệp dự đoán điều gì sẽ xảy ra để đưa ra phương án tối ưu nhất và mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG II**

# **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU – CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY NẠO VÉT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THUỶ I.**

### **1. Đặc điểm chung của công ty Nạo vét và XD đường thuỷ I.**

#### **1.1 - Quá trình hình thành và phát triển của công ty.**

Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I được thành lập ngày 16/02/1957 . Ngày đầu với tên là Công ty tàu cuốc. Khi mới thành lập đơn vị trực thuộc Cục vận tải đường thuỷ, Bộ giao thông vận tải và Bưu Điện. Công ty được thành lập với nhiệm vụ chủ yếu là nạo vét, trục vớt các chướng ngại vật, thông luồng đường thuỷ ở Hải Phòng và các tuyến sông trên miền Bắc, góp phần giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và phát triển kinh tế.

Ban đầu khi mới thành lập, từ sự tiếp nhận trụ sở của Sở thuỷ lục lộ đóng tại Bến Bính phố Juy - lơ ( đội khảo sát 6, đường Cù Chính Lan hiện nay) toàn bộ hệ thống quản lý của Sở là 20 người Pháp và 40 người Việt nam. Công ty tàu cuốc có các phòng kỹ thuật, kế hoạch, công trình, nhân sự, tiền lương, xưởng sửa chữa, âu đà, kho cấp vật liệu. Nhiệm vụ là phục vụ công trình xây dựng, mở rộng cảng, nạo vét thông luồng trên toàn xứ Bắc kỳ và Trung Kỳ. Ngày 16/02/1957 Bộ giao thông vận tải và Bưu Điện ra nghị định số 34 - ND tách ty tàu cuốc ra khỏi Cảng Hải Phòng và thành lập Công ty tàu cuốc trực thuộc Cục vận tải đường thuỷ, ông Trương văn Kỳ được chỉ định làm Giám đốc. Tổng số cán bộ công nhân thủ thuỷ có 453 người với trang thiết bị máy móc: có tàu cuốc Đình Vũ, Cát bà, Cửa Cấm, tàu cuốc 1954, tàu lai gồm TC1,TC2, TC3,TC4, TC5 và tàu Hòa bình, sà lan gồm 8 chiếc SL1, SL2, SL3, SL4, SL5, SL6, SL7, SL8 và 01 sà lan chở nước 50 tấn, 02 sà lan chở than. Ca nô gồm X01, X02, X03. Tổ đo dò và thợ lặn thuộc ban kế hoạch và công trình. Tổ sửa chữa thuộc ban kỹ thuật cơ khí. Tổ kho vật liệu thuộc ban cung ứng. Công tác tổ chức, sắp xếp lực lượng lao động, phương tiện, tổ chức Đảng và các đoàn thể quần chúng phù hợp với cơ sở Quốc doanh có tầm cỡ quốc gia.

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

.Từ năm 1975 đến năm 1983 Công ty có những nhiệm vụ chủ yếu:

1. Nạo vét đảm bảo giao thông các tuyến sông trên toàn Miền Bắc. Công ty có 4 tàu hút loại 3D6, 10 tàu hút xén thổi loại 3D12, 4 tàu cuốc nhiều gầu tàu cuốc TC57, TC58, TC66, TC85 và các 12 tàu lai , 6 ca nô, 4 xưởng nổi, 2 sà lan chở nước phục vụ công tác nạo vét đảm bảo giao thông.

2. Trục vớt thanh thải các chướng ngại vật bị đắm trên luồng tàu chạy. Công ty có các Cầu cầu trục vớt sà lan lặn.

3. Sửa chữa các phương tiện thủy của Công ty và các đơn vị khác. Công ty có hai xưởng sửa chữa là xưởng sửa chữa X400 đóng tại km9 đường 5 , xưởng sửa chữa X500 tại xã An Tràng Kiến An. Công ty có nhiều máy tiện, máy phay, máy hàn, máy búa và các công cụ khác.

4. Sản xuất vật liệu xây dựng Công ty có nhà máy xi măng Minh Đức đóng tại xã Minh Đức huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Trải qua 48 năm xây dựng và trưởng thành. Công ty đã được Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu thi đua.

-Về tập thể có : 01 Huân chương độc lập hạng ba ( năm 2002 ), Danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang thời chống Mỹ, 02 Huân chương lao động hạng nhất, 11 Huân chương lao động hạng ba, 02 Huân chương chiến công hạng nhất, 2 huân chương chiến công hạng ba, 2 bằng khen của Chủ tịch nước, 7 bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ.

-Về cá nhân có: 2 Huân chương lao động hạng nhất, 2 Huân chương lao động hạng nhì, 3 Huân chương lao động hạng ba, 1 Huân chương chiến công hạng ba, 6 Huy hiệu Hồ Chủ Tịch và hàng nghìn Huân chương Huy chương chống Mỹ cứu nước, bằng khen của Bộ và của uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Năm 1997 được tặng huy chương cho sản phẩm công trình có chất lượng cao của Bộ giao thông vận tải đó là công trình nạo vét cảng cá đảo Phú Quý tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình hình thành và phát triển công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I đã trải qua bao thăng trầm, thay đổi và đã có lúc gặp rất nhiều khó khăn trong kinh doanh. Nhưng tập thể công nhân trong công ty đã đoàn kết chủ động khắc phục những khó khăn, phát huy nhiều sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, áp dụng nhiều tiến độ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đưa Công ty đi lên bằng nội

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I**

---

lực của chính mình để trở thành một Công ty nạo vét hàng đầu của Việt nam và được xếp hạng doanh nghiệp hạng 1 vững mạnh như ngày nay. Công ty phải tự tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tự tìm kiếm khách hàng, để có được các hợp đồng kinh tế, công ty phải đấu thầu với đơn vị bạn, trong quá trình đấu thầu cạnh tranh là điều không thể tránh khỏi.

**\* Ngành nghề sản xuất chính của công ty hiện nay là:**

- Nạo vét, san lấp mặt bằng.

- Xây dựng các công trình thuỷ

- Sửa chữa phương tiện thuỷ

- Mặt hàng nạo vét và san lấp là thế mạnh của Công ty hiện nay. Hàng năm công ty phải căn cứ vào kết quả thực hiện của năm trước đó cùng năng lực thiết bị, thị trường đã nắm được để lập kế hoạch về các chỉ tiêu sản xuất cho năm sau.

**\* Vốn kinh doanh của công ty:**

Để nghiên cứu quá trình sản xuất, hạch toán kế toán tiến hành nghiên cứu sự hình thành và vận động vốn trong một đơn vị cụ thể. Quá trình nghiên cứu thực tế Công ty Nạo vét và xây dựng đường thuỷ I. Tôi thấy vốn của Công ty được hình thành từ 4 nguồn chính đó là: Vốn ngân sách cấp, vốn tự bổ sung, vốn đi vay và từ nguồn vốn khác. Nguồn vốn kinh doanh của công ty Nạo vét và xây dựng đường thuỷ I (*thời điểm 31 tháng 11 năm 2009*) như sau:

Nguồn vốn kinh doanh: 12.731.033.792

Trong đó:

1. Vốn Ngân sách cấp: 10.008.454.165 đ

- Vốn cố định: 8.329.417.878 đ

- Vốn lưu động: 1.679.036.287 đ

2. Vốn tự bổ sung: 2.722.579.627 đ

**\* Tình hình trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty:**

Phương tiện Nạo vét chiếm tỉ trọng hơn trong tổng số tài sản của công ty, nó thể hiện trình độ cơ khí hoá Công ty, tổng cộng các trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty cuối năm 2004 : là 118,83 tỷ nhưng sang đến cuối năm 2005 là 391,95 tỷ đồng.

**\* Các phương tiện Công ty quản lý trực tiếp.**

- Đoàn tàu hút HA97

Gồm : tàu hút HA97, ca nô C36, tàu kéo TC37, Pông tông cầu H01

- Đoàn tàu PK6:

Gồm: tàu hút PK6, tàu təc la 02, Pông tông PK6

- Đoàn tàu HP2000: Gồm: Tàu HP2000, ca nô C26, Pôngton cầu HP2000

- Đoàn tàu Thái Bình Dương : Tàu hút bụng tự hành Thái Bình Dương

- Đoàn tàu TC02

Gồm: Tàu TC02, tàu kéo TC37, Sà lan đất 21, Sà lan đất 16

**\* Các phương tiện do xí nghiệp và Chi nhánh quản lý khai thác**

- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Tàu hút HT900, tàu hút HS28, tàu hút HS29

- Xí nghiệp tàu hút sông I

Gồm : tàu hút H96, tàu hút HS01, tàu hút HS03, tàu hút HS04, tàu hút HS05, tàu kéo SĐ10, ca nô C31, ca nô C24, ca nô C25

- Xí nghiệp tàu hút sông II

Gồm : tàu hút xói thổi HT2700, tàu hút H02, tàu hút HS19, tàu hút HS20, tàu kéo TC45, tàu TĐ18.

- Xí nghiệp sửa chữa cơ khí 88

Gồm : tàu hút HS31

## **1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

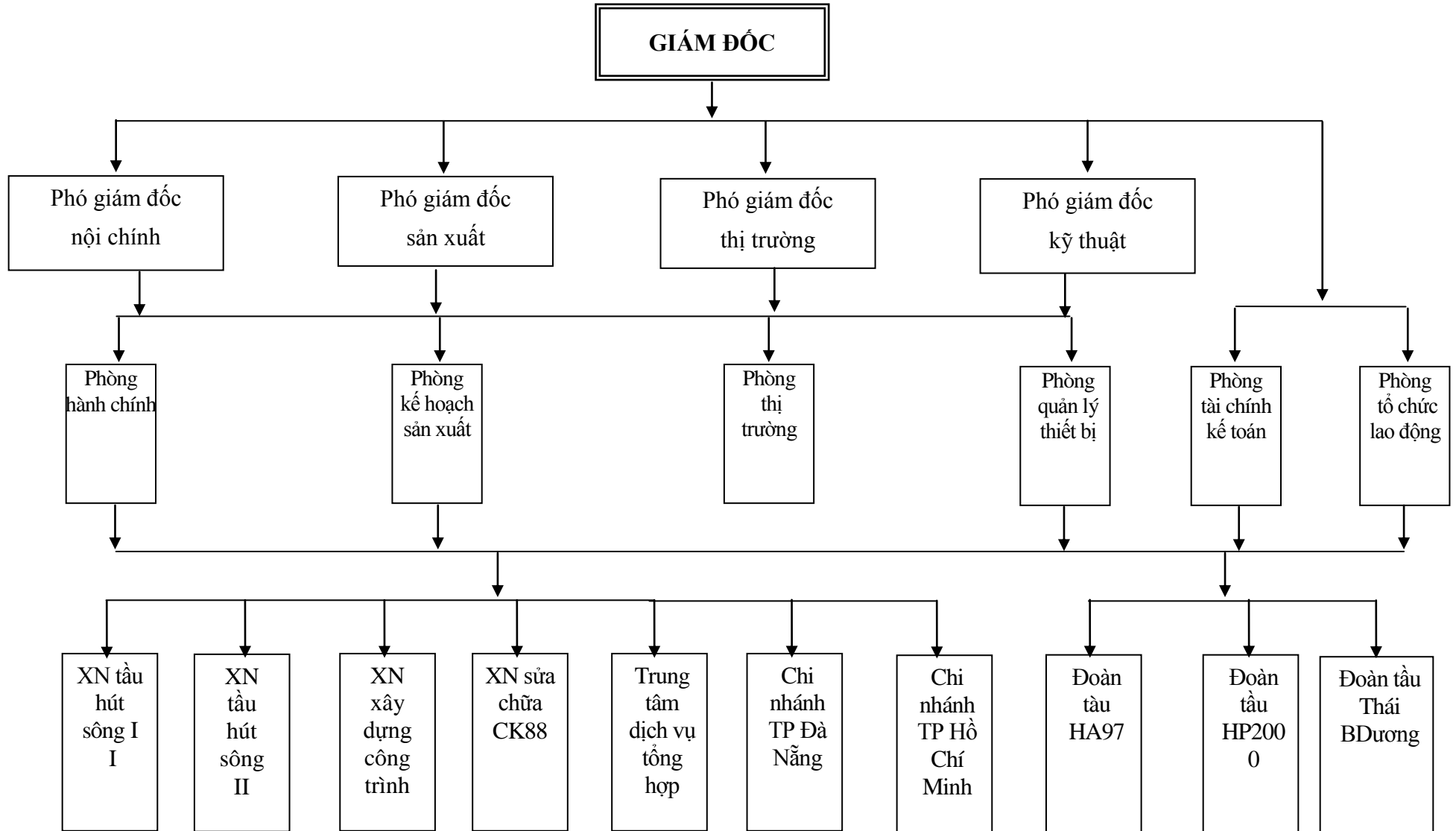
### **1.2.1. Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Cơ cấu tổ chức có vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, một cơ cấu tổ chức hợp lý khoa học và gọn nhẹ, phân công cụ thể quyền hành và trách nhiệm rõ ràng sẽ tạo nên một môi trường làm việc thuận lợi cho mỗi cá nhân nói riêng và các bộ phận nói chung.

Để điều hành quá trình sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho sản xuất diễn ra liên tục và có hiệu quả, đối phó được những biến động của thị trường, Công ty đã tổ chức bộ máy hợp lí phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình.

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

**SƠ ĐỒ QUẢN LÝ BỘ MÁY SẢN XUẤT CÔNG TY NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY I**





## **1.2.2. Chức năng nhiệm vụ**

### **1.2.2.1. Ban giám đốc**

\* **Giám đốc**: Quản lý toàn bộ mọi hoạt động của công ty, soạn thảo công bố chính sách, chiến lược, chịu trách nhiệm cao nhất đối với chất lượng sản phẩm, phân công trách nhiệm quyền hạn cho các cán bộ lãnh đạo từ cấp trưởng phòng trở lên, sắp xếp, bố trí cán bộ, tổ chức sản xuất theo yêu cầu của hệ thống chất lượng. Tổ chức chỉ đạo, phê duyệt các báo cáo, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

\* **Phó giám đốc thị trường**: ( Báo cáo giám đốc )

Thay mặt giám đốc trong công tác tìm kiếm khách hàng nạo vét Phụ trách trực tiếp phòng Thị trường

\* **Phó giám đốc kỹ thuật**: ( Báo cáo giám đốc )

- Thay mặt Giám đốc giải quyết nhiều công việc được uỷ quyền khi Giám đốc đi vắng.

- Chịu trách nhiệm về hoạt động toàn bộ của phòng quản lý thiết bị và xí nghiệp sửa chữa cơ khí 88.

- Đối với đoàn tàu trực thuộc: Duyệt dự toán, quyết toán sửa chữa các phương tiện nạo vét.

- Điều độ sản xuất công nghiệp tại Xí nghiệp cơ khí 88, quản lý toàn bộ hoạt động liên quan đến công tác gia công vật tư phụ tùng thay thế

\* **Phó giám đốc sản xuất**: ( Báo cáo giám đốc )

- Chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác sản xuất nạo vét xây dựng của toàn Công ty trực tiếp phụ trách phòng Kế hoạch sản xuất

- Kiểm soát chất lượng công trình nạo vét và xây dựng.

\* **Phó giám đốc nội chính**: ( Báo cáo giám đốc )

- Chịu trách nhiệm về hoạt động của phòng : Phòng hành chính, Trung tâm dịch vụ tổng hợp, công tác xây dựng cơ bản nếu có..

- Phê duyệt kế hoạch xây dựng cơ bản nội bộ, kiểm soát hoạt động của các bộ phận được giao phụ trách.

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

**1.2.2.2. Các phòng, ban có nhiệm vụ sau:**

\* **Phòng thị trường** ( báo cáo Giám đốc và phó giám đốc thị trường ) có nhiệm vụ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tìm kiếm khách hàng, xây dựng các hồ sơ dự thầu, đấu thầu, lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và các kế hoạch khác.

\* **Phòng kế hoạch sản xuất** : (Báo cáo giám đốc, phó giám đốc sản xuất)  
Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn, trung hạn, ý kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức theo dõi quá trình thi công trên các công trình.

\* **Phòng Tổ chức lao động**: (Báo cáo giám đốc)  
Quản lý công tác tổ chức lao động tiền lương, BHXH và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công nhân viên, quản lý công tác an toàn lao động, công tác huấn luyện khảo thi nâng bậc, nâng lương..

\* **Phòng tài chính kế toán**: (Báo cáo giám đốc)  
Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình giám đốc phê duyệt và báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan.

Thực hiện chi trả các khoản lương và các chính sách khác đến tay người lao động.

\* **Phòng quản lý thiết bị**: (Báo cáo giám đốc, Phó giám đốc kỹ thuật).  
Thiết kế, triển khai, lập quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, quản lý kỹ thuật, chuẩn bị công nghệ, máy móc cho sản xuất, ban hành hệ thống chỉ tiêu, xác định thông số kỹ thuật với các loại TSCĐ lập định mức tiêu hao vật tư, năng lượng cho công ty.

Soạn thảo các hợp đồng mua nguyên vật liệu, tổ chức thu mua vận chuyển, cấp phát vật tư cho sản xuất đồng thời có nhiệm vụ vận chuyển, giao hàng cho các đoàn tàu sản xuất.

Quản lý hệ thống kho tàng vật tư hàng hoá và sản phẩm của công ty, quản lý

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

thiết bị sản xuất, tổ chức bốc xếp hàng hoá.

\* **Phòng hành chính**: ( Báo cáo giám đốc, phó giám đốc nội chính )

Quản lý công tác hành chính văn thư, bảo mật, thông tin liên lạc, đánh máy, in văn bản quản lý xe chỉ huy. chăm sóc sức khoẻ cán bộ, công nhân viên, như khám sức khoẻ định kỳ, cấp phát thuốc y tế cho các phương tiện nạo vét

**1.2.3. Cơ cấu bộ máy sản xuất.**

Quá trình hình thành và phát triển của công ty đã cho thấy sản xuất nạo vét, san lấp mặt bằng là sản phẩm chính của Công do đó công ty tổ chức 4 xí nghiệp , 2 chi nhánh, một trung tâm dịch vụ, 3 đoàn tàu trực thuộc công ty, phù hợp đặc điểm công nghệ sản xuất nạo vét hiện tại.

- **Các xí nghiệp đơn vị:** ( hạch toán phụ thuộc )

\* **Xí nghiệp tàu hút sông I**

Có trụ sở tại số 8 Nguyễn tri Phương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

\* **Xí nghiệp tàu hút sông II :**

Có trụ sở tại số 8 Nguyễn tri Phương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

\* **Xí nghiệp xây dựng công trình:**

Có trụ sở tại số 8 Nguyễn tri Phương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

\* **Xí nghiệp sửa chữa cơ khí 88:**

Có trụ sở tại số 8 Nguyễn tri Phương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

\* **Chi nhánh công ty tại thành phố Hồ Chí Minh :**

Có trụ sở đóng tại số 1E, phố Mê Linh, phường 26, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

\* **Đại diện công ty tại thành phố Đà Nẵng**

Có trụ sở tại số 10, phố Phan Bội Châu, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

\* **Trung tâm dịch vụ tổng hợp**

Có trụ sở tại số 8 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

- **Các đoàn tàu trực thuộc Công ty:**

\* **Đoàn tàu Thái Bình Dương:** Là một con tàu hút bùn tự hành có tính năng phun lên bờ được đóng tại Hà Lan bằng nguồn vốn vay ODA của Chính Phủ

## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I**

Cộng hoà liên bang Đức thông qua Ngân hàng KFW.

\* **Đoàn tàu HA97:** là đoàn tàu Công ty đầu tư năm 1997 bằng vốn vay tín dụng theo kế hoạch Nhà nước. Tàu có công suất 4170 Cv. Mua của hãng Elicoot Mỹ.

\* **Đoàn tàu HP2000:** Là đoàn tàu được đầu tư năm 2000 bằng nguồn vốn vay tín dụng thương mại Ngân hàng công thương Hồng bàng, Hải Phòng. Tàu có công suất 1.200 Cv. Mua của hãng IHC Hà lan.

\* **Đoàn Tàu TC02:** Là đoàn tàu được đầu tư năm 2002 bằng vốn vay trung hạn Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng, Được hoán cải từ tàu hút bùn lắp đặt cần cầu 100T, gầu ngoạm 6m<sup>3</sup>

\* **Đoàn tàu PK6:** Là đoàn tàu xuất xứ từ Hà lan được bàn giao cho Công ty sử dụng khai thác từ năm 1982, là vốn Ngân sách cấp.

### **1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.**

#### **1.3.1. Tổ chức công tác kế toán**

Hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lý sản xuất kinh doanh, là công cụ hữu hiệu trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế tài chính trong đơn vị cơ sở cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I có địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh phân tán trên cả nước, do đó Công ty tổ chức kế toán theo hình thức phân tán và Tổng hợp lại toàn Công ty, thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê thường xuyên.

#### **\* Phương pháp tính thuế GTGT.**

Công ty Nạo vét và xây dựng Đường thuỷ I tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Công thức : số thuế GTGT phải nộp = thuế GTGT đầu ra – thuế GTGT đầu vào

#### **\* Phương pháp hạch toán hàng tồn kho.**

- Hạch toán chi tiết: công ty áp dụng phương pháp hạch toán chi tiết NVL-CCDC nói riêng và hàng tồn kho nói chung theo phương pháp thẻ song song.

- Hạch toán tổng hợp: công ty áp dụng hạch toán hàng tồn kho là kê khai

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

thường xuyên. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập – xuất – tồn kho loại vật liệu, công cụ dụng cụ giám đốc chặt chẽ tình hình tăng giảm vật tư từ đó lên một hệ thống xuyên suốt trong quá trình hạch toán.

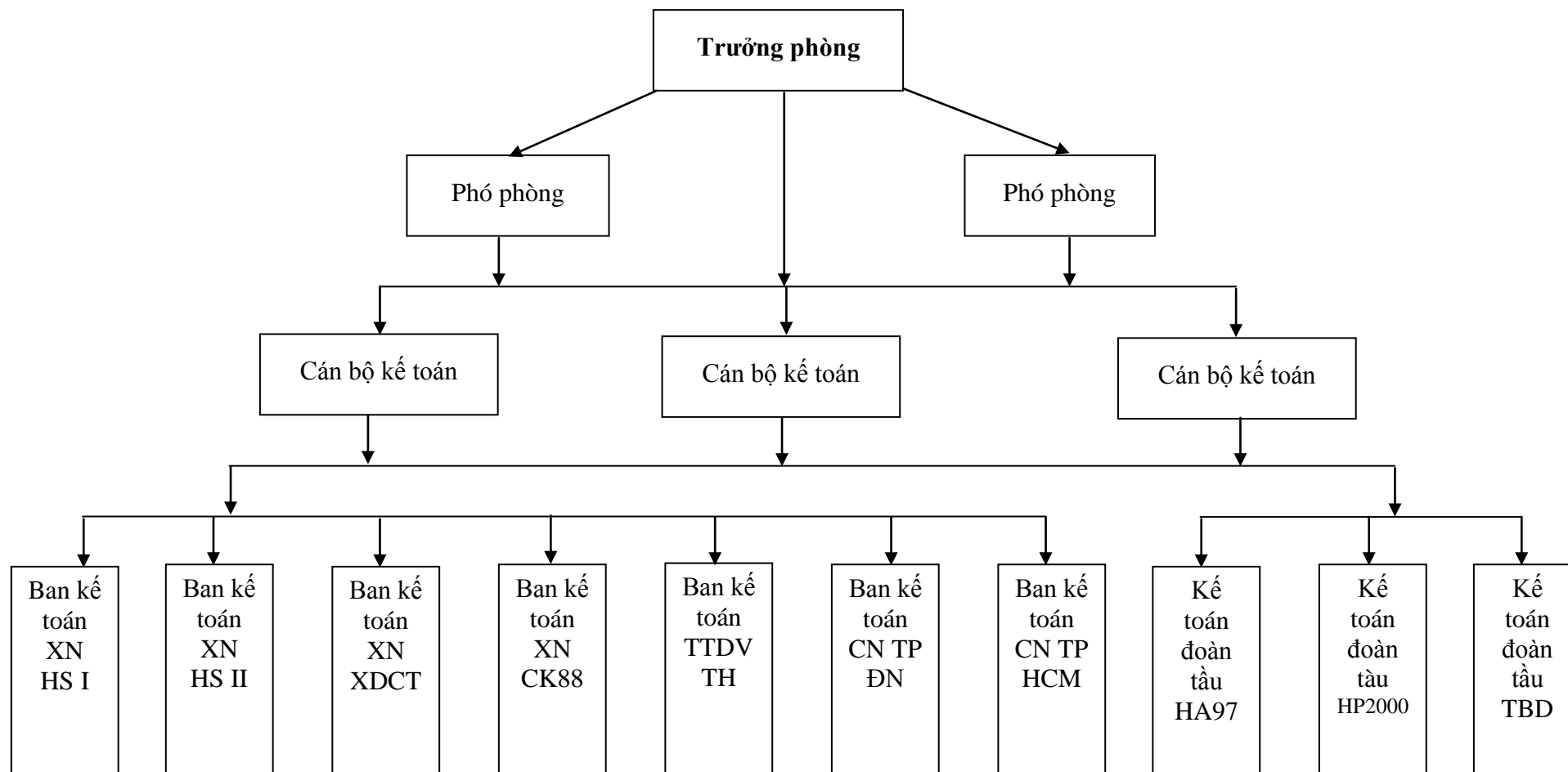
**\* Chế độ kế toán áp dụng tại công ty.**

Công ty áp dụng hình thức tổ chức công tác kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CÔNG TY NẠO VÉT & XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY I**



## **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

---

### **1.3.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán (có sơ đồ kèm theo)**

- Tổ chức mọi công việc kế toán để thực hiện đầy đủ có chất lượng các nội dung trong công việc kế toán của công ty.

- Hướng dẫn đơn đốc kiểm tra thực hiện đầy đủ kịp thời chứng từ kế toán của công ty.

- Ngoài ra bộ máy kế toán còn phân công kiểm kê tài sản, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu theo đúng quy định.

Bộ máy kế toán của công ty gồm 8 người đứng đầu là kế toán trưởng (trưởng phòng Tài chính – kế toán) và hai phó phòng, bên dưới là các nhân viên kế toán.

**Kế toán trưởng (trưởng phòng):** là người tổ chức chỉ đạo toàn diện công tác kế toán thống kê thông tin kinh tế và hệ thống kinh tế trong công ty. Là trợ thủ đắc lực cho giám đốc trong kinh doanh và phải chịu trách nhiệm trước giám đốc và công ty về hoạt động tài chính.

- **Kế toán bán hàng (phó phòng):** theo dõi và quản lý các khoản thu từ khách hàng trong toàn công ty. Cuối kỳ báo cáo phải thực hiện công việc đối chiếu công nợ với các khách hàng, quản lý sổ và thẻ khách hàng.... lập kế hoạch thu nợ và thực hiện công tác thu nợ....cùng kế toán trưởng theo dõi hướng dẫn các đơn vị, công trường kê khai và quyết toán thuế với các đơn vị nơi phát sinh doanh thu.

- **Kế toán ngân hàng (phó phòng):** quản lý theo dõi các giao dịch với các ngân hàng tổ chức tín dụng khác khi công ty có giao dịch kiểm tra chứng từ hồ sơ trước khi chuyển tiền. Giám sát thủ quỹ thực hiện kiểm quỹ tiền mặt hàng tháng , quản lý chứng từ giao dịch ngân hàng.

- **Kế toán tổng hợp :** thu thập sổ sách, báo cáo từ các đơn vị xí nghiệp thành viên để lập báo cáo tổng hợp toàn công ty

- **Kế toán tiền lương, kế toán thanh toán:** chịu trách nhiệm về trích quỹ tiền lương, theo dõi và trừ tạm ứng lương, quỹ trích lập các nghiệp vụ về BHYT, BHXH, KPCĐ..., kiểm tra lại các chứng trước khi chi tiền, lập phiếu thu, chi trình Kế toán trưởng và Giám đốc công ty phê duyệt.

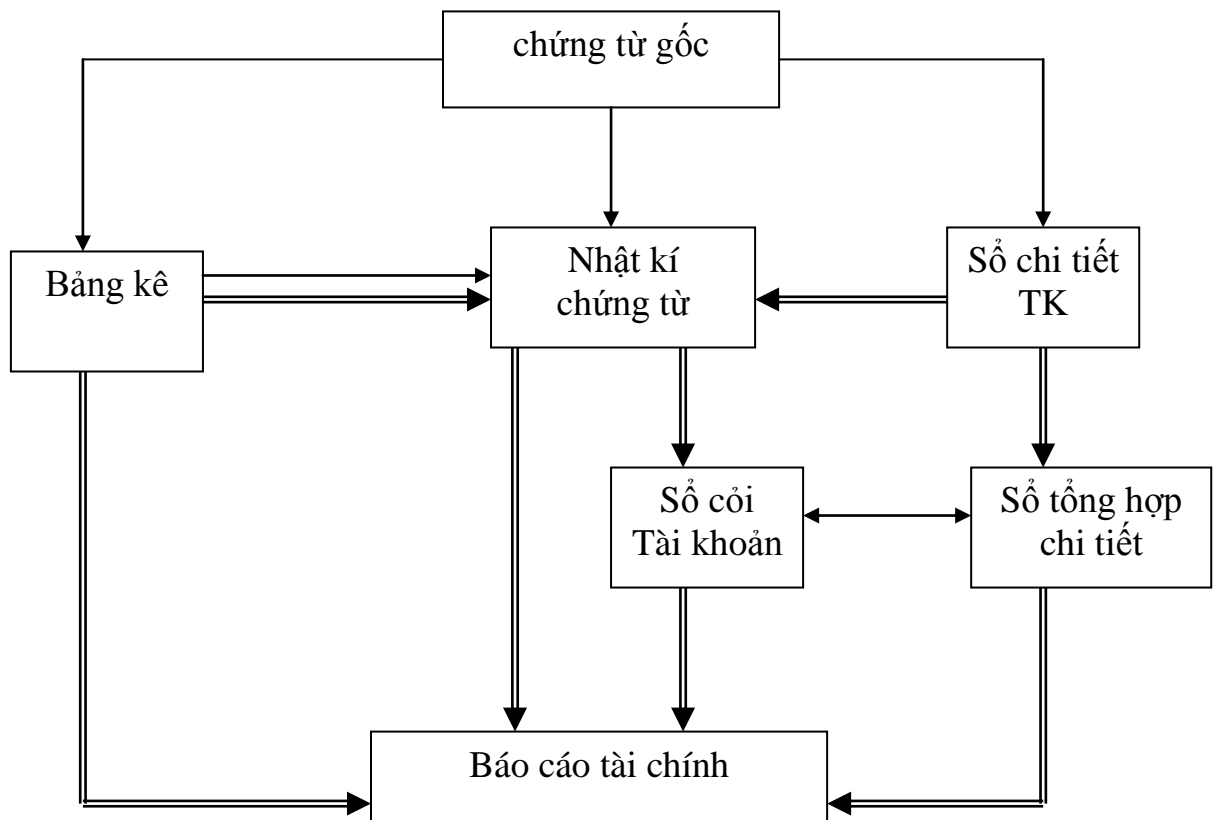
- **Kế toán vật liệu:** theo dõi việc nhập, xuất, NVL chính – phụ, công cụ lao động... phục vụ cho sản xuất, quản lý. Đối chiếu công nợ lên sổ dư cân đối tài khoản và sổ dư chi tiết.

- **Kế toán tài sản cố định :** quản lý tất cả các tài sản cố định gồm lập thẻ lập sổ, cập nhập các số liệu về tăng giảm tài sản cố định của Công ty.

- **Thủ quỹ :** theo dõi các giao dịch về tiền mặt tại quỹ công ty, thu chi tiền khi có đủ các chứng từ và đủ các văn bản kèm theo và đã có phê duyệt của người có thẩm quyền.

#### 1.4. Hình thức kế toán của công ty.

##### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NK - CT



\* Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.



Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I là Doanh nghiệp có quy mô lớn, hàng ngày chứng từ kế toán phát sinh nhiều, Công ty đã áp dụng hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm kế toán của công ty mình là Hình thức nhật kí chứng từ và sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting để tiện cho công tác ghi sổ kế toán và tiết kiệm thời gian. Đồng thời giảm thiểu những sai sót thường gặp phải ở phương pháp thủ công. Do vậy, quá trình ghi sổ kế toán lúc này chỉ cần thực hiện một lần bằng cách nhập dữ liệu, máy sẽ tự động lập ra những sổ sách mà kế toán yêu cầu.

Căn cứ vào các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và hoàn thành, kế toán tiến hành nhập liệu vào cơ sở dữ liệu theo Form nhập liệu đã được lập trình sẵn của phần mềm kế toán Fast. Máy tính sẽ tự động tổng hợp xử lý thông tin. Cơ sở dữ liệu được lập trình chi tiết đến đối tượng theo yêu cầu của công tác quản trị tại Doanh nghiệp. Các đối tượng như : khách hàng, công nhân viên, đối tượng tập hợp chi phí tính giá thành ... Qua đó, máy sẽ tự động truy xuất thông tin theo yêu cầu lãnh đạo và công tác kế toán. Lập ra sổ sách kế toán các loại như : Nhật ký chứng từ , Sổ chi tiết các tài khoản, Sổ cái tài khoản ... theo đối tượng và Báo cáo tài chính theo từng niên độ kế toán phục vụ cho công tác quản lý ( Thông tin đầu vào → Thông tin đầu ra ).

#### Giới thiệu phần mềm kế toán Fast Accounting

Công ty phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST - là công ty chuyên sâu về phát triển sản phẩm và triển khai ứng dụng trong lĩnh vực phần mềm kế toán và quản lý doanh nghiệp. Hiện nay FAST có hơn 1000 khách hàng trên toàn quốc với các quy mô lớn nhỏ khác nhau, loại hình kinh doanh và hình thức sở hữu khác nhau đang sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của FAST. Các sản phẩm và dịch vụ của FAST đó giúp cho khách hàng cập nhật và khai thác các thông tin tài chính kế toán và quản lý doanh nghiệp một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng được hiệu quả. Và đây cũng chính là mục tiêu và sứ mệnh của công ty FAST.

Phần mềm kế toán Fast Accounting luôn được hoàn thiện và phát triển để đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn các yêu cầu về thụng tin quản lý trong nền kinh tế

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

thị trường. Phiên bản mới Fast Accounting 2004.f được phát triển với nhiều nghiệp vụ và chức năng mới so với các phiên bản trước và chúng tôi tin tưởng rằng Fast Accounting 2004.f sẽ giúp cho khách hàng khai thác các thông tin kế toán và quản trị kinh doanh hiệu quả hơn.

Các phân hệ của Fast Accounting:

Fast Accounting phân hệ nghiệp vụ sau:

- [Hệ thống](#)
- [Phân hệ kế toán tổng hợp](#)
- [Phân hệ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng](#)
- [Phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu](#)
- [Phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả](#)
- [Phân hệ kế toán hàng tồn kho](#)
- [Phân hệ kế toán chi phí và tính giá thành](#)
- [Phân hệ kế toán TSCĐ](#)
- [Phân hệ báo cáo thuế](#)
- [Phân hệ báo cáo tài chính](#)

Thực hiện trên phần mềm kế toán máy :

*Bước 1- Khởi động Fast Accounting :*

Nháy đúp vào biểu tượng Fast trên màn hình máy tính. Xuất hiện giao diện chính của phần mềm kế toán Fast, như mẫu sau :

*Bước 2 - Quy trình nhập dữ liệu*

Từ các chứng từ NVL, CCDC như hóa đơn mua hàng, phiếu nhập kho : nháy đúp vào Kế toán mua hàng và công nợ phải trả để nhập dữ liệu của nghiệp vụ. Xuất hiện màn hình nhập liệu, chọn Phiếu nhập mua hàng hay Hóa đơn mua hàng.

Mục số chứng từ : Máy tính sẽ tự động đánh và tăng số chứng từ.

Mục ngày chứng từ : theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Mục mã đơn vị : Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I.

Mục diễn giải : Mua vật tư, xuất vật tư...

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

Nếu có thuế GTGT phát sinh : máy tính sẽ hiện ra bảng kê khai thuế GTGT.

Các phân hành khác làm tương tự.

*Bước 3 – Xem, in :* Chứng từ, sổ kế toán

Khi muốn xem hoặc in bất cứ một chứng từ nào: mở mục cần in và bấm lệnh in.

Một số giao diện kế toán. ( mẫu sau )

FAST Cong ty nao vet va xay dung duong thuy 1

Tro giúp

FAST FAST Loc chung tu

M  
Đ  
N  
D  
M  
S  
ĐA  
T

Cừ từ số  
Cừ từ ngày 01/01/2008  
Số hoá đơn  
Mã khách  
Tài khoản có  
Thuế suất  
Tài khoản thuế  
Số tiền từ  
Hạn thanh toán từ  
Đến  
Đến  
Diễn giải chứa  
Trạng thái

Đến số  
Đến ngày 30/06/2008

Mã kho  
Mã vật tư  
Nhóm vật tư 1  
Nhóm vật tư 2  
Nhóm vật tư 3  
Tài khoản nợ  
Mã vụ việc

Lọc theo nsd (0/1)

Nhận Hủy bỏ

F5-Tra cứu

K\_phtmp (c:\fast04f.tmp\k\_phtmp.dbf) Record: 1/5 Exclusive NUM 16:05:30

start Cong ty nao vet va x... Van- Chuyen de cuoi ... Microsoft Word - Van ... 4:05 PM

FAST Cong ty nao vet va xay dung duong thuy 1

Tro giúp

FAST So chi tiet tai khoan

Tài khoản 152 Nguyên liệu, vật liệu  
Từ ngày 01/01/2008  
Đến ngày 30/06/2008  
Mã đơn vị DA00 Công ty nạo vét & Xây dựng đường thủy I  
Mẫu báo cáo  VND  Ngoại tệ

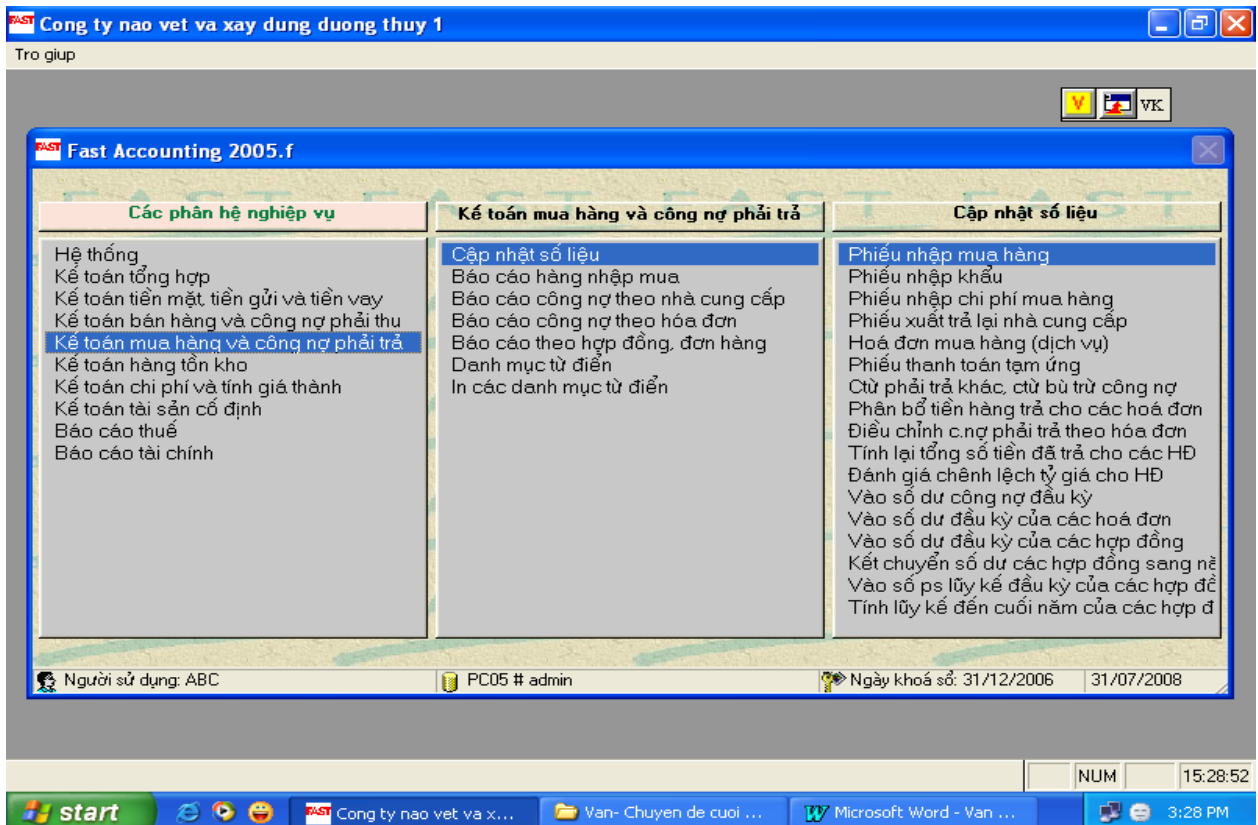
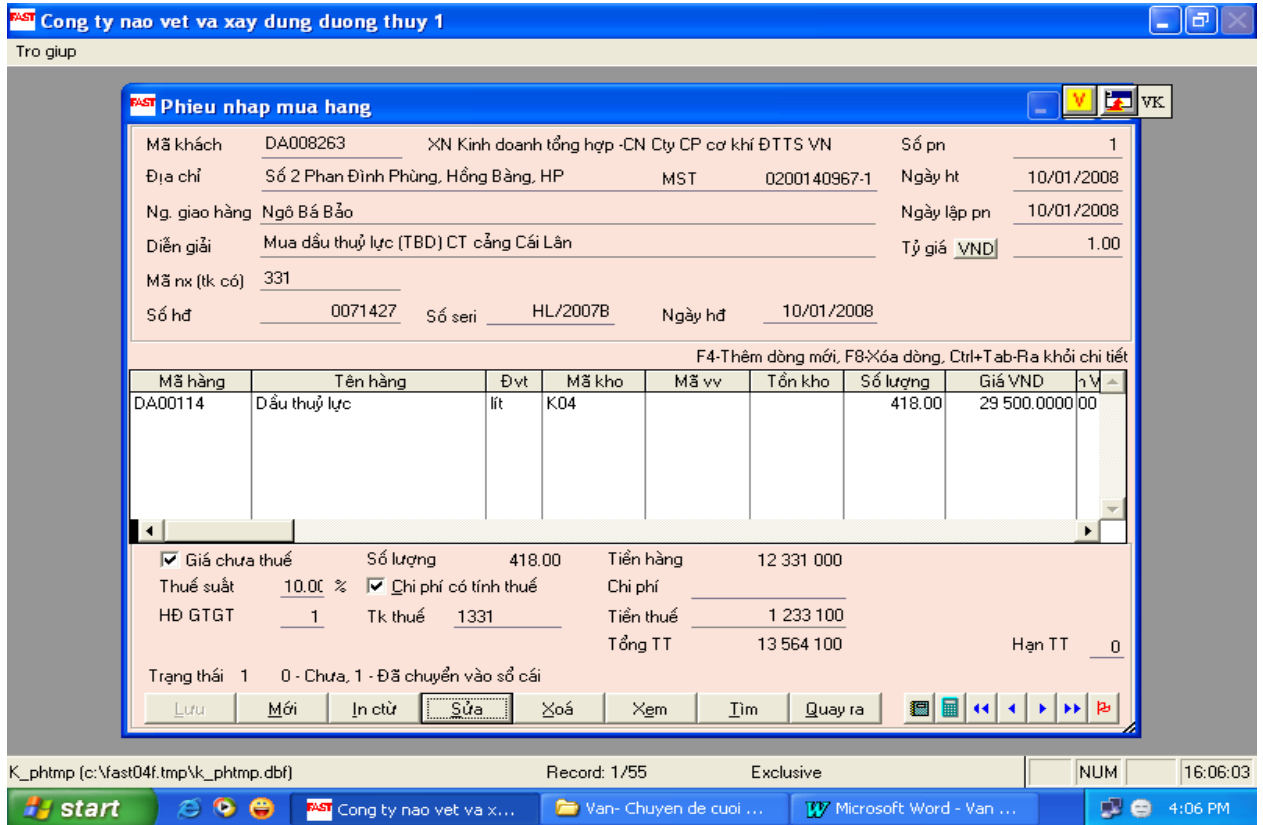
Nhận Hủy bỏ

F5-Tra cứu

K\_cdtk (z:\dbf\cdtk.dbf) Record: 144/1602 Record Unlocked NUM 16:10:34

start Cong ty nao vet va x... Van- Chuyen de cuoi ... Microsoft Word - Van ... 4:10 PM

# Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I



# Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

**FAST Cong ty nao vet va xay dung duong thuy 1**

Tro giúp Table

Auto HP LaserJet 4100

**FAST So chi tiet tai khoan: Tk 152. F7 - In, Esc - Quay ra**

gay	la_ct	So_ct	Ma_kh	Ten_kh	Diien_giai	Tk_du	Ps_no	Ps_co	Ma_vv
///					Số dư nợ đầu kỳ:		632 413 309		
///					Tổng phát sinh trong kỳ:		15 179 128 652	15 199 211 466	
///					Số dư nợ cuối kỳ:		612 330 495		
10/01	PN	1	DA008263	XN Kinh doanh tổng hợp	Mua dầu thủy lực (TBD) CT cảng	331	12 331 000		
10/01	PX	1	DA001149	Lê Dương Vinh- Tàu TB	Xuất dầu thủy lực phục vụ CT cảng	6213		12 331 000	VV0050
17/01	PN	2	DA008263	XN Kinh doanh tổng hợp	Mua dầu thủy lực ( TBD) CT Cảng	331	12 331 000		
17/01	PN	3	DA006076	Công ty CP TM VT Trung	Mua dầu ( TBD) CT cảng Cái Lân	331	465 000 000		
17/01	PN	4	DA006076	Công ty CP TM VT Trung	Mua dầu (TBD) Ct cảng Cái Lân	331	465 000 000		
17/01	PN	5	DA006076	Công ty CP TM VT Trung	Mua dầu ( HP2000) CT Tuần Chê	331	186 000 000		
17/01	PX	2	DA001149	Lê Dương Vinh- Tàu TB	Xuất dầu thủy lực phục vụ CT cảng	6213		12 331 000	VV0050
17/01	PX	3	DA001149	Lê Dương Vinh- Tàu TB	Xuất dầu phục vụ sx CT Cảng Cái	6213		465 000 000	VV0050
17/01	PX	4	DA001149	Lê Dương Vinh- Tàu TB	Xuất dầu phục vụ sx CT cảng Cái	6213		465 000 000	VV0050
17/01	PX	5	DA001150	Đoàn HP2000	Xuất dầu phục vụ sx CT Tuần Chê	6213		186 000 000	VV0056
21/01	PN	6	DA006076	Công ty CP TM VT Trung	Mua dầu ( TBD) Ct cảng Cái Lân	331	465 000 000		
21/01	PX	6	DA001149	Lê Dương Vinh- Tàu TB	Xuất dầu phục vụ sx CT cảng Cái	6213		465 000 000	VV0050
31/01	PN	7	DA006076	Công ty CP TM VT Trung	Mua dầu ( HP2000) CT Tuần Chê	331	139 500 000		
31/01	PX	7	DA001150	Đoàn HP2000	Xuất dầu phục vụ CT Tuần Chê	6213		139 500 000	VV0056
01/02	PN	8	DA006145	Công ty CPTMVT kim khí	Gia công ống dẫn đất cho tàu Hê	331	180 291 700		
01/02	PN	9	DA008809	Seng Long Co ( Singapo	Mua bộ khởi động khí tàu TBD	331	169 359 614		
01/02	PX	8	DA001150	Đoàn HP2000	Xuất ống dẫn đất phục vụ sx CT	335,1		180 291 700	VV0054
05/02	PN	10	DA005603	Nhà máy cao su 75	Mua vật tư tàu TBD	331	41 200 000		
05/02	PX	9	DA005218	Cty Bảo hiểm dầu khí - C	Xuất vật tư phục vụ s/c tàu TBD	3388		169 359 614	

So chi tiet tai khoan - 120/123 Ngay\_ct: / /

NUM 16:11:40

**FAST Cong ty nao vet va xay dung duong thuy 1**

Tro giúp

Fast Accounting 2005.f

Các phân hệ nghiệp vụ	Kế toán hàng tồn kho	Cập nhật số liệu
Hệ thống	Cập nhật số liệu	Phiếu nhập kho
Kế toán tổng hợp	Báo cáo hàng nhập	Phiếu xuất kho
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay	Báo cáo hàng xuất	Phiếu xuất điều chuyển
Kế toán bán hàng và công nợ phải thu	Báo cáo hàng tồn kho	Tính giá trung bình
Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	Danh mục từ điển	Tính giá trung bình di động theo ngày
Kế toán hàng tồn kho	In các danh mục từ điển	Tính giá nhập trước xuất trước
Kế toán chi phí và tính giá thành		Vào tồn kho đầu kỳ
Kế toán tài sản cố định		Vào chi tiết tồn kho nhập trước xuất trước
Báo cáo thuế		Tính lại tồn kho tức thời
Báo cáo tài chính		Chuyển tồn kho sang năm sau

Người sử dụng: ABC PC05 # admin Ngày khóa sổ: 31/12/2006 31/07/2008

NUM 16:08:24

# Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

TK_đ	TK_đ	T01	T02	T03	T04	T05	T06
331	331	1 745 162 000	390 851 314	6 092 117 431	2 957 852 245	1 044 295 320	342
Cộng PS nợ	Cộng PS nợ	1 745 162 000	390 851 314	6 092 117 431	2 957 852 245	1 044 295 320	342
Cộng PS có	Cộng PS có	1 745 162 000	412 257 633	6 102 270 513	2 958 889 542	1 025 212 880	898
Dư nợ cuối tháng	Dư nợ cuối tháng	632 413 309	611 006 990	600 853 908	599 816 611	618 899 051	495
Dư có cuối tháng	Dư có cuối tháng						

## 2. Tổ chức kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty.

### 2.1. Đặc điểm NVL- CCDC tại Công ty.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay việc sản xuất kinh doanh đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải năng động, nhạy bén, tìm hiểu nhu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng để lập kế hoạch, chương trình dự án đưa ra sản phẩm được thị trường chấp nhận. Vì vậy, phải nâng cao chất lượng sản phẩm và có phương pháp thích hợp để phân loại các NVL- CCDC .

Do đặc điểm của sản phẩm và phương thức sản xuất vì vậy nó sẽ quyết định đến các NVL- CCDC của quá trình sản xuất. Công ty có sản phẩm chính là Nạo vét và san lấp mặt bằng, khơi dòng thủy cho các tàu bè vì vậy NVL- CCDC có phần hạn chế, không đa dạng như các mô hình sản xuất tạo ra sản phẩm là những hàng tiêu dùng thông dụng hay vật liệu xây dựng... Do vậy nguyên vật liệu chủ yếu là dầu, nhớt và các vật phụ liệu khác như phin lọc máy...

Công cụ dụng cụ chủ yếu là phao bè.

## **2.2. Đánh giá vật liệu.**

Công ty sử dụng giá thực tế để ghi sổ kế toán: trị giá thực tế trong trường hợp nhập NVL- CCDC tùy nguồn nhập mà giá thực tế của NVL- CCDC được xác định.

- Đối với NVL- CCDC mua ngoài thì giá thực tế là giá mua ghi trên hoá đơn cộng các chi phí thu mua thực tế ( gồm chi phí vận chuyển bốc dỡ...) các khoản chiết khấu giảm giá nếu có.

- Giá trị thực tế NVL - CCDC xuất kho khi xuất dùng NVL - CCDC kế toán phải tính toán chính xác giá thực tế của NVL- CCDC xuất kho cho các nhu cầu đối tượng khác nhau. Việc tính giá thực tế của NVL- CCDC tại công ty theo phương pháp nhập trước -xuất trước.

## **2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ.**

### **2.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.**

\* **Nội dung kế toán vật liệu nhập kho:** khi vật liệu mua về đến công ty người đi mua mang hoá đơn trong đó ghi tên hàng hoá số lượng xuất bán, đơn giá vật liệu, hình thức thanh toán ... lên phòng quản lý thiết bị nếu được xác định là đúng như hợp đồng đã thoả thuận thì tiến hành lập phiếu nhập kho. Thủ kho kiểm tra số lượng quy cách vật liệu thực tế với hoá đơn nếu đúng thì viết số thực nhập vào phiếu nhập kho. Sau đó thủ kho chuyển phiếu nhập kho cho phòng kế toán để theo dõi hạch toán. Phiếu nhập kho được làm căn cứ để ghi vào sổ chi tiết vật tư.

Phiếu nhập kho được lập 3 liên:

- + Liên 1: do phòng tài vụ giữ
- + Liên 2: do thủ kho tạm giữ
- + Liên 3 : do cán bộ đi mua vật tư giữ kèm với hóa đơn thanh toán

Ví dụ 1: Ngày 12 tháng 12 năm 2009 mua 500 lít dầu diesel cho tàu HP2000. Sau khi kiểm tra số lượng, chủng loại chất lượng ...kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT lập phiếu nhập kho số 72.

Ví dụ 2: Ngày 20 tháng 12 năm 2009 mua 1 chiếc phin lọc máy cho tàu Thái Bình Dương. Sau khi kiểm tra số lượng, chủng loại chất lượng...kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT lập phiếu nhập kho số 77.

**Biểu số 01:**

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mã số: 01GTKL – 3LL  
HL/ 2008B  
0071308

Liên 2: giao cho khách hàng

Ngày 12 tháng 12 năm 2009.

Đơn vị bán hàng : XN kinh doanh tổng hợp – CN công ty CP cơ khí đóng tàu  
thuỷ sản Việt Nam .

Địa chỉ : Số 2 Phan Đình Phùng – Hồng Bàng – Hải Phòng

Số tài khoản :

Điện thoại : MST: 0200140967

Họ tên người mua hàng: Đoàn HP 2000

Tên đơn vị : Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I

Địa chỉ : Số 8 Nguyễn Tri Phương- Hồng Bàng – Hải Phòng.

Số tài khoản : 321.10.000.000.498

Hình thức thanh toán : CK MST: 0200167006

Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Diezel VanC3 15 W/40 CF4	lít	500	26.200	13.100.000
	Cộng		500	26.200	13.100.000
Cộng tiền hàng:					13.100.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.310.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					14.410.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười bốn triệu bốn trăm mười nghìn					

Người mua hàng  
(Ký, họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên)



Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I

**Biểu số 02:**

Đơn vị: Công ty nạo vét  
và xây dựng đường thuỷ I  
Bộ phận: QLTB

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01 VT  
QĐ: số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ  
trưởng Bộ tài chính  
Số: 72  
Nợ: 152.3  
Có: 331

Tên người giao hàng: Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thuỷ sản VN - Xí nghiệp  
kinh doanh tổng hợp.

Theo hoá đơn số : 0071308

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Nhập tại kho : Cho tàu HP2000 phục vụ sản xuất tại Công ty xi măng Tuần  
Châu, Quảng Ninh.

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng hàng	Giá mua	Thành tiền
1	Diezel van C3 15W/40CF4	lít	500	26.200	13.100.100
Cộng tiền hàng: 13.100.000					

Cộng thành tiền ( bằng chữ): Mười ba triệu một trăm nghìn đồng.

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên)

Người giao hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 03:**

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 02GTKT-  
3L QR/ 2008N  
0011306

Liên 2: giao cho khách hàng

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH thương mại Nam Duy  
Địa chỉ : 87/5 Phan Văn Hậu F.17 Quận Thanh Bình, thành  
phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại : MST: 0302666332  
Họ tên người mua hàng : Tàu Thái Bình Dương  
Tên đơn vị : Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I  
Địa chỉ : Số 8 Nguyễn Tri Phương, Hồng Bàng, Hải Phòng  
Hình thức thanh toán : CK MST: 0200167006

Số TT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phin lọc máy	Chiếc	1	6.064.000	6.064.000
	Cộng		1	6.064.000	6.064.000
Cộng tiền hàng:					6.064.000
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT:		303.200	
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.367.200
Số tiền viết bằng chữ : Sáu triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm đồng.					

Người mua hàng  
(Ký, họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I

**Biểu số 04:**

Đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I  
Bộ phận: QLTB

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01- VT

QĐ: số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/3/2006 của  
Bộ trưởng Bộ tài chính

Số: 77

Tên người giao hàng : Công ty TNHH thương mại Nam Duy  
Theo hoá đơn số : 0011306, ngày 20 tháng 12 năm 2009  
Nhập tại kho : Cho tàu Thái Bình Dương phục vụ sản xuất công trường  
Dung Quát, Quảng Ngãi.

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng hàng	Giá mua	Thành tiền
1	Phin lọc máy	Chiếc	1	6.064.000	6.064.000
Cộng tiền hàng:					6.064.000

Cộng thành tiền (bằng chữ): Sáu triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng.

Thủ trưởng đơn vị      Người giao hàng      Thủ kho      Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)

**\* Nội dung công tác nguyên vật liệu xuất kho:**

Thực tế tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I, nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu phát sinh khi có yêu cầu của bộ phận sản xuất về từng loại vật liệu, từng quy cách số lượng để phục vụ cho tiến độ thi công của từng công việc. Kế toán vật liệu căn cứ vào yêu cầu đó sẽ viết phiếu xuất kho.

Mỗi phiếu xuất kho vật tư được lập thành 3 bản: một bản lưu tại cuống phiếu, hai bản giao cho thủ kho, thủ kho kiểm tra lại chứng từ sau khi xuất hàng thủ kho ghi lại số liệu thực xuất vào cột thực xuất làm căn cứ ghi vào thẻ kho và trả lại cho người nhận vật tư một bản, một bản định kì giao cho kế toán vật tư để hạch toán.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

**Biểu số 05:**

Đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I  
**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 02- VT  
QĐ: 15/2006 QĐ - BTC  
của Bộ trưởng Bộ tài chính

Họ và tên người nhận hàng : Lê Đăng Khoa  
Địa chỉ : Tàu HP2000  
Lý do xuất : Phục vụ sản xuất Công ty xi măng Thăng Long,  
Tuần Châu, Quảng Ninh  
Xuất tại kho : Công ty

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách sp, vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Diezel Van C315/W40CF4		lít	500	500	26.200	13.100.000
	Cộng					26.200	13.100.000

Cộng thành tiền (bằng chữ): Mười ba triệu một trăm nghìn đồng

Thủ trưởng đ.vị (Ký, họ tên)      Kế toán trưởng (Ký, họ tên)      Phụ trách cung tiêu (Ký, họ tên)      Người nhận (Ký, họ tên)      Thủ kho (Ký, họ tên)

Căn cứ vào phiếu xuất kho trên đó phải ghi rõ tên đơn vị, lĩnh vực vật tư, lý do lĩnh, kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho để định khoản sau đó vào sổ kế toán chi tiết vật liệu đồng thời vào Nhật kí chứng từ.

*Ví dụ* : Căn cứ vào phiếu xuất kho ngày 12/12/2009. Xuất nhiên liệu phục vụ sản xuất công ty xi măng Thăng Long, Tuần Châu, Quảng Ninh.

Nợ TK621.3 : 13.100.000

Có TK152.3 : 13.100.000

**\* Kế toán chi tiết nguyên vật liệu ( công cụ dụng cụ) tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I:** áp dụng phương pháp thẻ song song.

**-Tại kho:** kế toán chi tiết NVL- CCDC được thực hiện trên thẻ kho hàng

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

---

tháng khi nhận được các phiếu nhập, xuất, sau khi đã đối chiếu với số liệu thực nhập, thực xuất thủ kho ghi vào thẻ kho chỉ tiêu số lượng. Cuối tháng thủ kho phải tính ra số vật liệu tồn kho trên thẻ kho. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng loại vật liệu có tính chất khác nhau mà kiểm tra số liệu tồn kho khác nhau. Hàng tháng vào ngày cuối tháng thủ kho cùng kế toán đối chiếu thẻ kho và thẻ kế toán để phát hiện ra tình trạng thừa thiếu cũng như tồn kho Nguyên vật liệu. Cùng với việc phản ánh tình hình Nhập- Xuất – Tồn kho vật liệu theo chỉ tiêu số lượng, thủ kho tiến hành phân loại chứng từ : Phiếu nhập, phiếu xuất theo trình tự thời gian, số chứng từ cho bộ phận kế toán theo dõi vật liệu.

**-Tại phòng kế toán:** Tại phòng kế toán, kế toán phải theo dõi tình hình nhập-xuất NVL-CCDC theo cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Sau khi kiểm tra các nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán, khi đã đủ điều kiện, kế toán viên ký tên và trình lãnh đạo ký. Lãnh đạo phòng kiểm tra lại lần nữa khi đã đủ điều kiện thì ký tên. Khi đã đầy đủ dữ liệu và số liệu, kế toán vào các sổ sách chứng từ liên quan: sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng, kế toán cộng số tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, rồi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, lập báo cáo tổng hợp tình hình nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I

---

**Biểu số 06:**

Đơn vị: Công ty nạo vét xây dựng

đường thuỷ I

Tên kho: QLTB

**Tháng 12 năm 2009**

**Số thẻ :01**

**Ngày lập: 31/12/2009**

**THẺ KHO**

Tên vật tư : dầu diesel

Đơn vị tính: lít

Chứng từ		Diễn giải	Nhập	Xuất	Tồn
Nhập	Xuất				
		Tồn 01/12			0
12/12		Nhập mua	500		500
	12/12	Xuất cho sx		500	0
18/12		Nhập mua	20.000		20.000
19/12		Nhập mua	15.000		35.000
	19/12	Xuất cho sx		15.000	20.000
21/12		Nhập mua	5000		25.000
...	.....	.....	....	....	.....
	30/12	Xuất cho sx		15.000	
		Tổng cộng	240.000	240.000	0

Ngày ... tháng ... năm ....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

---

**Biểu số 07:**

Đơn vị: Công ty nạo vét xây dựng  
đường thủy I  
Tên kho: QLTB

Tháng 12 năm 2009  
Số thẻ :01  
Ngày lập: 31/12/2009

**THẺ KHO**

Tên vật tư : dầu nhờn

Đơn vị tính: lít

Chứng từ		Diễn giải	Nhập	Xuất	Tồn
Nhập	Xuất				
		Tồn 01/12			45 000
4/12		Nhập mua	5000		50 000
	8/12	Xuất cho sx		5000	
	.....				
30/12		Xuất cho sx	1 500		
		Tổng cộng	25 000	30 000	40 000

Ngày ... tháng ... năm ....

Người ghi sổ  
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I

---

**Biểu số 08:**

Đơn vị: Công ty nạo vét xây dựng

đường thuỷ I

Tên kho: QLTB

Tháng 12 năm 2009

Số thẻ :01

Ngày lập: 31/12/2009

**THẺ KHO**

Tên vật tư : Phin lọc

Đơn vị tính: chiếc

Chứng từ		Diễn giải	Nhập	Xuất	Tồn
Nhập	Xuất				
		Tồn 01/12			26
20/12		Nhập mua	1		
	20/12	Xuất cho sx		1	
		Tổng cộng	1	1	26

Ngày ... tháng ... năm ....

Người ghi sổ

(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng



**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I**

**Biểu số 09:**

**Sổ chi tiết tài khoản**

TK152 – Nguyên vật liệu ( từ ngày 01 đến 30/12/2009)

**Tồn đầu kì: 510 159 873**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất	
Ngày	Số					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
4/12	PN70	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Huy-DA007739	Mua dầu nhờn	331	13 000	5000	65 000 000		
8/12	PX71	Đoàn HA97-DA001148	Xuất dầu nhờn phục vụ sản xuất	621.3	13 000			5000	65 000 000
12/12	PN72	<b>XNKD tổng hợp- cty cơ khí ĐTTXVN</b>	<b>Mua dầu cho HP2000 phục vụ nạo vét công trường xi măng Tuần Châu</b>	<b>331</b>	<b>26200</b>	<b>500</b>	<b>13.100.000</b>		
12/12	PX73	<b>Đoàn HP2000</b>	<b>Xuất dầu phục vụ sản xuất</b>	<b>621.3</b>	<b>26200</b>			<b>500</b>	<b>13.100.000</b>
18/12	PN74	Công ty TM - VT xăng dầu Vạn Lợi	Mua dầu cho H97 công ty Dung Quất, QN	331	7754.54	20000	155.090.800		
19/12	PN75	Cty cp TM-VT Trung Dũng	Mua dầu HP200 cty Thăng Long- QN	331	7936.36	15000	119.045.400		
19/12	PX76	Đoàn HP2000	Xuất dầu công ty xi măng Thăng Long	621.3	7936.36			15000	119.045.400
20/12	PN77	Cty TNHH TM- DV Nam Duy	Mua phin lọc dầu cho máy 620	331	6 064 000	1	6 064 000		
20/12	PX78	Lê Dương Vinh- tàu TB D-ương	Xuất phin lọc pv sx cty Dung Quất	621.1	6 064 000			1	6 064 000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/12	PX89	Xí nghiệp hút sông I-DA001001	Xuất dầu nhờn cho tàu HS04-XNHS1	336	11 387.99			1 500	17.081.988
30/12	PX90	Đoàn HP97	Xuất dầu tàu Thái Bình Dương	621.3			116.318.181		
			<b>Tổng cộng</b>				<b>1 908 587 755</b>		<b>1 914 651 755</b>

**Tồn cuối kì: 504 095 873**

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người Lập Biểu

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

**BIỂU SỐ 10:**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT**

Tài KHOẢN: 152

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

STT	MÃ VẬT TƯ	VẬT TƯ	SỐ TIỀN			
			TÒN ĐẦU KỲ	NHẬP TRONG KỲ	XUẤT TRONG KỲ	TÒN CUỐI KỲ
1	DA00111	DẦU DIEZEL		1 686 545 246	1 686 545 246	
2	DA00524	DẦU NHỒN	349 991 983	215 978 509	222 042 509	343 927 983
3	AA00114	PHIN LỌC MÁY	160 167 890	6 064 000	6 064 000	160 167 890
		<b>CỘNG</b>	<b>510 159 873</b>	<b>1 908 587 755</b>	<b>1 914 651 755</b>	<b>504 095 873</b>

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người Lập Biểu

### 2.3.2. Kế toán chi tiết Công cụ dụng cụ.

**\*Nội dung kế toán công cụ dụng cụ nhập kho:** tương tự như kế toán Nguyên vật liệu, khi Công cụ dụng cụ về đến Công ty người đi mua mang hoá đơn bán hàng của người bán trong đó ghi tên hàng hoá, số lượng xuất bán, đơn giá công cụ dụng cụ, hình thức thanh toán lên phòng nếu được xác định đúng nội dung đúng như hợp đồng đã thoả thuận thì tiến hành lập phiếu nhập kho. Thủ kho kiểm tra số lượng, quy cách công cụ dụng cụ thực tế với hoá đơn nếu đúng thì viết thực nhập vào phiếu nhập kho.

Phiếu nhập kho được ghi thành 3 liên:

- Liên 1: do phòng vật tư giữ
- Liên 2: do thủ kho tạm giữ
- Liên 3: do cán bộ đi mua vật tư giữ kèm theo với hoá đơn thanh toán. sau đó thủ kho chuyển phiếu nhập kho cho phòng kế toán để theo dõi hạch toán.

Phiếu nhập kho được lập làm căn cứ để nhập công cụ dụng cụ và làm cơ sở để ghi vào thẻ kho và sổ chi tiết vật tư.

Ví dụ: Ngày 24 tháng 12 năm 2009 mua 100 cái phao bè cho tàu HP2000 phục vụ sản xuất. Sau khi kiểm tra số lượng, chủng loại chất lượng ...kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT lập phiếu nhập kho số 32.

**Biểu số 11:**

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số 01  
GTGT – 322BH/08B  
Số : 0045819

Liên 2: giao cho khách hàng

Ngày 24 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần Bách hoá  
Địa chỉ : Hồng Bàng – Hải Phòng  
Điện thoại :  
Họ tên người mua hàng : Công ty Nạo vét và Xây dựng đường thủy I  
Địa chỉ : Số 8, Nguyễn Tri Phương, Hồng Bàng, Hải  
Phòng  
Hình thức thanh toán : UNC  
Mã số thuế : 0200167006

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phao bè	Cái	100	28.571,28	2.857.142
	Cộng		100		2.857.142
Cộng tiền hàng					: 2.857.142
Thuế suất thuế GTGT : 5%					Tiền thuế GTGT: : 142.858
					Tổng cộng tiền thanh toán :3.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Ba triệu đồng chẵn					

Người mua hàng  
(kí, họ tên)

Người bán hàng  
(kí, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(kí, họ tên)

**Biểu số 12:**

Mẫu số 01 – VT

QĐ: số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 26/03/2006 của Bộ

trưởng BTC

Số 32

Nợ TK153

Có TK331

Đơn vị: Công ty nạo vét và  
xây dựng đường thuỷ I  
Bộ phận: QLTB

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 24 tháng 12 năm 2009

Tên người giao hàng : Công ty cổ phần bách hoá  
Địa chỉ : Hồng Bàng, Hải Phòng  
Theo hoá đơn số : 0045819 , ngày 24 tháng 12 năm 2009  
Nhập tại kho : HP2000 p/v sản xuất công trường Dung Quất –  
QNgãi

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phao bè	Cái	100	28571,42	2.857.142
Cộng tiền hàng :					2.857.142

Cộng thành tiền (bằng chữ): Hai triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi hai nghìn đồng.

Thủ trưởng đơn vị      Người giao hàng      Thủ kho      Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)              (Ký, họ tên)              (Ký, họ tên)              (Ký, họ tên)

**\* Nội dung kế toán xuất công cụ dụng cụ.**

Việc xuất công cụ dụng cụ tại công ty cũng được tiến hành như nguyên vật liệu, phát sinh khi có yêu cầu của bộ phận sản xuất về từng loại công cụ dụng cụ. Kế toán căn cứ vào yêu cầu đó sẽ viết phiếu xuất kho.

Công cụ dụng cụ được phân bổ theo giá trị và thời gian sử dụng của từng loại.

- Loại phân bổ 1 lần (100%):

Trường hợp CCDC có giá trị thấp, thời gian sử dụng ngắn thì kế toán phân bổ giá trị công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh .

Ví dụ: Ngày 25 tháng 12 năm 2009 xuất 100 cái phao bè phục vụ sản xuất công trường Dung Quất, Quảng Ngãi theo phiếu xuất kho số 47.

Kế toán ghi:

Nợ TK 627.2 : 2.857.142

Có TK 153.2 : 2.857.142

- Loại phân bổ 50%:

Trường hợp CCDC xuất dùng có giá trị tương đối lớn, thời gian sử dụng dài kế toán tiến hành phân bổ 50% vào chi phí sản xuất kinh doanh

+ Khi xuất kho công cụ dụng cụ ghi:

Nợ TK142(1), 242 : giá trị thực tế xuất kho

Có TK153 : giá trị thực tế xuất kho

+ Đồng thời phân bổ lần 1 (50%) giá trị xuất dùng.

Nợ TK627, 641, 642

Có TK 142

+ Giá trị công cụ dụng cụ sẽ được xuất dùng nốt khi nhận được giấy báo hỏng hoặc mất.

Giá trị CCDC phân bổ lần 2	Giá trị thực tế xuất dùng	Phế liệu thu hồi (nếu có)	Bồi thường vật chất (nếu có)
	=		

Nợ TK621,641, 642

Có TK142

50% giá trị xuất dùng

**Biểu số 13:**

Đơn vị: Công ty nạo  
vét và xây dựng  
đường thuỷ I

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Mẫu số 02 – VT  
QĐ: 15/2006/QĐ - BTC của Bộ  
trưởng Bộ tài chính  
Số 47  
NợTK627.2  
Có Tk 153.2

Họ tên người mua hàng : Lê Dưỡng Vinh  
Địa chỉ : Tàu Thái Bình Dương  
Lý do xuất : Phục vụ sản xuất công trường Dung Quất-  
Q.Ngãi  
Xuất tại kho : Công ty

S	Tên nhân hiệu quy cách,sp vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Phao bè		Cái	100	100	28571,14	2.857.142
	Tổng			100	100		2.857.142

Cộng thành tiền (bằng chữ): Hai triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi hai đồng.

Thủ trưởng đ vị      KT.trưởng      PT cung tiêu      Người nhận      Thủ kho  
(Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)

\* Kế toán chi tiết công cụ dụng cụ: tương tự như kế toán chi tiết Nguyên vật liệu.

**Biểu số 14:**

Đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng Tháng 12 năm 2009

đường thủy I Số thẻ 01

Tên kho: QLTB Ngày lập: 31/12/2009

**THẺ KHO**

Tên vật tư : phao bè

Đơn vị tính: cái

Chứng từ		Diễn giải	Nhập	Xuất	Tồn	Ghi chú
Nhập	Xuất					
		Tồn 01/12			0	
24/12		Nhập mua	100		100	
	25/12	Xuất cho sản xuất sp		100	0	
		Cộng	100	100	0	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng



**Biểu số 15:**

Đơn vị : Công ty nạo vét và xây  
dựng đường thủy I

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 153 – công cụ dụng cụ  
Từ ngày 01/12/2009 đến 30/12/2009

Tồn đầu kì: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất	
Ngày	Số					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
24/12	PN32	CN công ty bách hoá tổng hợp	Mua phao bè	331	28571.14	100	2 857 142		
25/12	PX47	Lê Dưỡng Vinh – Tàu Thái Bình Dương	Xuất phao bè phục vụ sản xuất	627.2	28571.14			100	2 857 142
			<b>Cộng</b>			<b>100</b>	<b>2 857 142</b>	<b>100</b>	<b>2 857 142</b>

Tồn cuối kì: 0

**Biểu số 16:**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT**

Tài khoản: 153

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Stt	Mã vật tư	Vật tư	Số tiền			
			Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	BD00111	Phao bè		2 857 142	2 857 142	
		<b>Cộng</b>		<b>2 857 142</b>	<b>2 857 142</b>	

Ngày.....tháng.....năm

Người lập biểu

#### **2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.**

Hình thức kế toán tổng hợp áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chứng từ. Do đó bộ sổ kế toán tổng hợp sử dụng hạch toán NVL- CCDC tại công ty cũng tổ chức theo hình thức Nhật ký chứng từ hệ thống sổ bao gồm:

**\* Sổ chi tiết thanh toán với người bán.**

Sổ này được mở với nội dung theo dõi chi tiết tình hình thanh toán với từng phiếu nhập và từng người bán. Việc theo dõi chi tiết trên sổ thanh toán với người bán được thực hiện trên nguyên tắc theo dõi chi tiết trên từng hoá đơn phát sinh đến khi thanh toán xong hoá đơn đó. Mỗi hoá đơn ghi hai dòng theo thứ tự thời gian nhận chứng từ, một dòng ghi cho TK133 sổ chi tiết này được ghi vào cuối tháng trên cơ sở các chứng từ đã tập hợp được.

Cuối tháng căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng để tính ra số dư cuối tháng cho từng sổ mở cho từng người bán.

Sau đó căn cứ vào số liệu tổng hợp ở sổ kế toán chi tiết thanh toán với người bán để ghi vào Nhật ký chứng từ số 5.

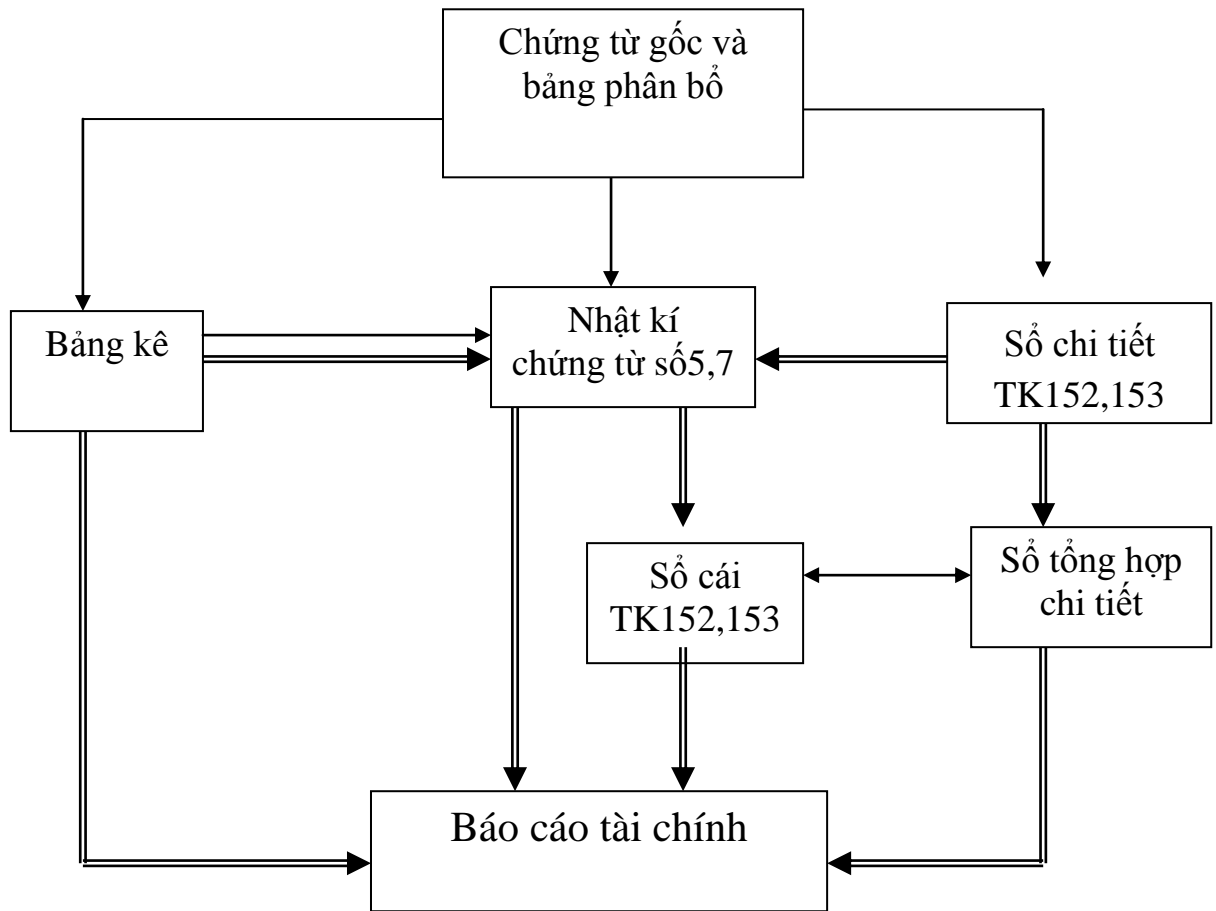
**\* Nhật ký chứng từ số 5:**

Dùng để tổng hợp tình hình thanh toán với người bán của công ty làm cơ sở để ghi vào sổ cái TK331

**\* Nhật ký chứng từ số 7**

**\*Sổ cái TK152, TK153**

### Quy trình hoạch toán tổng hợp NVL-CCDC



\* Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc (Hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho-xuất kho...), bảng phân bổ NVL kế toán nhập số liệu vào bảng kê, NKCT số 5 và NKCT số 7....

Sau đó từ bảng kê và NKCT, kế toán tổng hợp số liệu và nhập vào sổ cái TK152, Tk153

**Biểu số 17:**

Đơn vị: Công ty nạo vét  
và xây dựng đường thủy I

**SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ**

*TK331 – Phải trả cho người bán*

*Tên đơn vị: Công ty CP TM – VT Trung Dũng*

*Từ ngày 01/12/2009 đến 30/12/2009*

**Số dư đầu: 5.151.474.180**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
19/12	PN75	Mua dầu HP2000 phục vụ sản xuất tại công trường xi măng Thăng Long, Tuần Châu, QN	1523		119.045.400
			1331		11.904.540
22/12	PN80	Mua dầu HP2000 p/v sx công trường xi măng Tuần Châu	1523		158.727.200
			1331		15.872.720
29/12	PN86	Mua dầu HP2000 p/v sx công trường xi măng Tuần Châu	1523		158.727.200
			1331		15.872.720
30/12	PKT	XNHS2 – trả tiền mua nhiên liệu cho Trung Dũng tháng trước	336	500.000.000	
		Cộng		500.000.000	480.149.780

**Số dư cuối kì: 5.131.623.960**

*Ngày....tháng....năm....*

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

**Biểu số 18:**

Đơn vị: Công ty nạo vét  
và xây dựng đường thủy I

**SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ**

TK331 – Phải trả cho người bán

Tên đơn vị: CV Cty CP tổng hợp bách hoá

Từ ngày 01/12/2009 đến 30/12/2009

**Số dư đầu kì: 0**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
24/12	PN32	CN công ty tổng hợp bách hoá	153.2		2.857.142
24/12	PN32	CN Công ty tổng hợp bách hoá	133.1		142.858
		Tổng		0	3.000.000

**Số dư cuối kì: 3000.000**

Ngày....tháng....năm....

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

**Biểu số 19:**

Đơn vị: Công ty nạo vét và xây  
dựng đường thủy I

**BẢNG KÊ SỐ 3**

*Tháng 12 năm 2009*

STT	Chỉ tiêu	Nợ TK152	Tổng cộng
1	I.Số dư đầu tháng	510.159.873	510.159.873
2	II. Số phát sinh trong kỳ	1.908.587.755	1.908.587.755
3	Phải trả cho người bán	1.908.587.755	1.908.587.755
4	III. Cộng số dư đầu tháng và số phát sinh	2.418.747.628	2.418.747.628
5	IV. Xuất dùng trong tháng	1.914.651.755	1.914.651.755
6	V. Số dư cuối kỳ	504.095.873	504.095.873

*Lập , ngày .... tháng....năm....*

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

**Biểu số 20:**

Đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

**Nhật ký chứng từ số 5**

TK331: Phải trả người bán

Từ ngày 01/12/2009 đến 30/12/2009

stt	Tên khách	Dư nợ đầu	Dư có đầu	N133.1	N152	N153	N331	N627	...	Tổng có
	.....									
14	Công ty CPTM – VT Trung Dũng		5 151.474.180	43.649.980	<b>436.499.800</b>					480.149.780
	.....									
39	Công ty TM – VT Xăng dầu Vạn Lợi		8.314.174.720	106.819.848	<b>1.068.198.479</b>					1.175.018.327
40	Công ty Cao su Sao Vàng	7.616.000					7.616.000			7.616.000
41	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Huy		1.120.206.125	38.472.548	<b>384.725.476</b>					432.198.024
42	Công ty TNHH TM-DV Nam Duy			303.200	<b>6.064.000</b>					6.367.200
43	Công ty cơ khí đóng tàu			80.952.381				1.691.047.619		1.700.000.000
	.....									
98	XN- KD tổng hợp CN cty cơ khí ĐTTTSVN	77.829.601		1.310.000	<b>13.100.000</b>					14.410.000
99	CN cty tổng hợp bách hoá			142.858		<b>2.857.142</b>				3.000.000
	.....									.....
	Cộng	863.748.907	15.465.648.900	354.689.416	<b>1.908.587.755</b>	<b>2.857.142</b>	182.616.000	20.703.529.867		<b>22.857.648.779</b>

Đã ghi số cái ngày.... tháng....năm....

Lập ngày.... tháng...năm....

**Kế toán ghi số**

(Ký, họ tên)

**Kế toán tổng hợp**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)



Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I

**Biểu số 21:**

Đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng  
đường thuỷ I  
Bộ phận công ty quản lý

**BẢNG PHÂN BỐ NVL-CCDC**

TK152, TK153

Từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 đến ngày 30/12/2009

STT	Tk ghi nợ	TK ghi có				Cộng	
		TK1521	TK1522	TK1523	TK153	TK152	TK153
1	<b>336</b> Phải trả nội bộ			17.081.988		17.081.988	
2	<b>6211</b> chi phí NVL phụ	6.064.000				6.064.000	
3	<b>6213</b> chi phí NVL trực tiếp			1.891.505.767		1.891.505.767	
4	<b>6272</b> chi phí vật liệu				2.857.142		2.857.142
	<b>Cộng</b>	<b>6.064.000</b>		<b>1.908.587.755</b>	<b>2.857.142</b>	<b>1.914.651.755</b>	<b>2.857.142</b>

Đã ghi sổ cái ngày.... tháng....năm....

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp

(Ký, họ tên)

Lập ngày...tháng....năm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

**Biểu số 22**

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7-PHẦN 1**

Đơn vị Công ty nạo vét và xây dựng  
đường thủy I

Tháng 12 năm 2009

STT	TK nợ / TK có	TK111	TK112	TK136	TK141	TK214	TK152	TK153	.....
1	TK331		5.340.356.535		1.521.250.000				
2	Tk334	366.400.000			2.117.726.125				
3	<b>TK336</b>	150.000.000	785.793.403	274.044.251	213.262.067	1.325.633.868	<b>17.081.988</b>		
4	TK338	10.000.000	20.000.000		500.000.000				
5	<b>TK6211</b>						<b>6.064.000</b>		
6	<b>TK6213</b>						<b>1.891.505.767</b>		
7	<b>TK627</b>	13.828..216			194.252.712	3.635.704.367		<b>2.587.142</b>	
8	TK642	48.936.857	16.209.146	546.379.967		158.498.957			
	<b>Cộng</b>	589.165.073	6.162.359.084	820.442.218	4.546.490.931	5.119.837.192	<b>1.914.651.755</b>	<b>2.587.142</b>	....

Đã ghi sổ cái ngày.... tháng....năm....

Kế toán ghi số  
(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp  
(Ký, họ tên)

Lập ngày.... tháng...năm....

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Sinh viên: Đặng Thị Hồng Vân-QLT201k**

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I

**Biểu số 23:**

Đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I **SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152**

*Tháng 12 năm 2009*

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
934 433 671	

TK đối ứng	Tháng 11	Tháng 12
331	130 815 276	1 908 587 755
Cộng phát sinh nợ	130 815 276	1 908 587 755
Cộng phát sinh có	130 815 312	1 914 651 755
Dư nợ cuối tháng	510 159 873	504 095 873
Dư có cuối tháng		

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I

**Biểu số 24:**

Đơn vị: Công ty nạo vét và xây dựng **SỔ CÁI TÀI KHOẢN 153**  
đường thuỷ I *Tháng 12 năm 2009*

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
0	

TK đối ứng	Tháng 11	Tháng 12
331	46 882 474	2 857 142
Cộng phát sinh nợ	46 882 474	2 857 142
Cộng phát sinh có	39 079 456	2 857 142
Dư nợ cuối tháng	0	0
Dư có cuối tháng		

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

### **CHƯƠNG III:**

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY NẠO VÉT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THUỶ I**

### ***1. Đánh giá về công tác kế toán NVL- CCDC tại công ty.***

Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I là tế bào của Tổng công ty xây dựng đường thuỷ, trải qua 48 năm xây dựng và trưởng thành, công ty đã không ngừng phát triển đi lên.

Để có được cơ chế quản lý, điều hành, kiểm soát tốt hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả cao. Ban lãnh đạo của công ty đã xác định được tầm quan trọng, vai trò tích cực của hạch toán kế toán nói chung và của kế toán NVL-CCDC nói riêng, nên đã trang bị những phương tiện cần thiết cho phòng kế toán nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác quản lý tài chính tại công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty, em đã tìm hiểu được nhiều kiến thức thực tế, củng cố kiến thức được học trong nhà trường và nhận thấy công tác kế toán của công ty, đặc biệt là công tác kế toán NVL-CCDC có những ưu điểm và hạn chế sau.

#### **1.1. Những ưu điểm trong công tác kế toán tại công ty**

##### **- Thứ nhất : về bộ máy kế toán**

Cũng như các Doanh nghiệp Nhà nước khác, Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I gặp rất nhiều khó khăn trước sự chuyển đổi của nền kinh tế từ bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Nhưng với sự năng động của bộ máy quản lý cùng với sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên toàn Công ty, Công ty đã thực hiện một số chuyển đổi nhằm thích ứng với cơ chế mới. Một chuyển đổi mang tính chất quyết định đó là những cải tiến trong công tác kế toán tài chính.

Với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty, với tình hình phân cấp quản lý, khối lượng công việc nhiều, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo phương thức nửa tập trung nửa phân tán. Do áp dụng mô hình này nên công tác hạch toán kế toán của Công ty được tổ chức ở đơn vị

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

---

phụ thuộc là hạch toán báo sổ. Kế toán ở đây chỉ làm nhiệm vụ hạch toán ban đầu, thu nhận chứng từ và ghi chép sổ sách các thông tin về kinh tế một cách đơn giản để cuối kỳ nộp về phòng kế toán công ty.

Bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với hình thức công tác kế toán và thích hợp với điều kiện cụ thể của công ty về tổ chức sản xuất, tính chất quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, phân cấp quản lý.

- **Thứ hai**: về hệ thống chứng từ và phương pháp kế toán:

Hiện nay Công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của Bộ tài chính. Các chứng từ được kiểm tra luân chuyển một cách thường xuyên và phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Về công tác xác định giá trị hàng tồn kho công ty đã áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp này hoàn toàn phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty. Công ty luôn chú ý đến việc bảo toàn giá trị hàng tồn kho.

- **Thứ ba**: về hình thức sổ sách.

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chứng từ để hạch toán. Đây là hình thức ghi sổ phù hợp với một công ty lớn. Các sổ Nhật ký và các bảng biểu kế toán công ty thực hiện tương đối đầy đủ, ghi chép cẩn thận, hệ thống rõ ràng hạch toán tương đối chính xác theo đúng chế độ quy định của Bộ tài chính và Nhà nước ban hành.

- **Thứ tư** : về việc sử dụng máy tính trong công tác kế toán.

Công ty đã mạnh dạn vi tính hoá công tác kế toán. Việc sử dụng máy tính trong công tác kế toán của công ty đã nâng cao năng suất lao động cho bộ phận kế toán, từ đó tác động đến năng suất lao động và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh toàn công ty. Thông qua việc vi tính hoá, khối lượng công việc của công ty được giảm nhẹ (về mặt tính toán, ghi chép và tổng hợp số liệu kế toán) so với trước khi sử dụng vi tính trong công tác kế toán thì hiệu quả kế toán của Công ty được nâng cao hơn.

- **Thứ năm** : Về công tác tổ chức hạch toán NVL- CCDC

Công tác kế toán nói chung và công tác hạch toán NVL- CCDC nói riêng đã phản ánh đúng thực trạng của công ty đáp ứng được yêu cầu quản lý mà Công ty đã đặt ra đảm bảo sự thống nhất về phạm vi và phương thức tính toán các chỉ tiêu giữa kế toán và các bộ phận liên quan. Kế toán NVL- CCDC đã thực hiện việc đối chiếu chặt chẽ giữa sổ kế toán với kho NVL- CCDC đảm bảo tính cân đối giữa chỉ tiêu và giá trị. Giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết cũng thường xuyên đối chiếu đảm bảo các thông tin về tình hình biến động NVL- CCDC được chính xác.

Qua phân tích tình hình chung của kế toán NVL- CCDC có thể thấy rằng : Công tác kế toán NVL- CCDC được tiến hành khá nề nếp đảm bảo tuân thủ theo chế độ kế toán, phù hợp với yêu cầu của Công ty đồng thời đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện để quản lý chặt chẽ tình hình Nhập – Xuất – Tồn kho, tính toán phân bổ chính xác giá trị NVL- CCDC từng đối tượng....

## **1.2. Nhược điểm**

\* Về việc đánh giá vật liệu: thực tế tại công ty NVL- CCDC được đánh giá theo giá thực tế. Song đối với vật liệu nhập kho các chi phí liên quan đến thu mua vật liệu như chi phí vận chuyển, bốc dỡ..... kế toán vật liệu đã hạch toán vào TK627- “ Chi phí sản xuất chung”.

Như vậy, trong công tác đánh giá vật liệu chưa đúng giá trị thực tế của vật liệu nhập kho, hầu hết các khoản chi phí liên quan đến thu mua vật liệu Công ty phản ánh vào tài khoản TK627 mà không phản ánh vào tài khoản TK152 “ Nguyên vật liệu” để tính vào giá trị thực tế vật liệu nhập kho như chế độ kế toán quy định.

\* Kế toán chi tiết vật liệu: Về sổ sách kế toán

Hệ thống sổ sách của Công ty được áp dụng theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên do Công ty chỉ sử dụng một tài khoản duy nhất là TK152 để phản ánh cho tất cả các nguyên vật liệu. Điều này dẫn đến sự khó kiểm tra đối chiếu giữa các sổ với nhau.

\* Xây dựng định mức dự trữ vật tư : vật liệu là thành phần quan trọng của vốn

lưu động trong doanh nghiệp đặc biệt là vốn dự trữ. Hiện nay trong Công ty không xây dựng định mức dự trữ vật tư, do đó vốn không được đảm bảo ổn định gây ứ đọng hoặc làm gián đoạn quá trình sản xuất. Điều này làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh.

## **2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán NVL- CCDC .**

### **2.1.Sự cần thiết hoàn thiện kế toán NVL- CCDC**

Cùng với sự nghiệp đổi mới toàn diện nền kinh tế, hạch toán kế toán với tư cách là một bộ phận quan trọng trong hệ thống công cụ quản lý kinh tế đã không ngừng được hoàn thiện và phát triển. Hạch toán kế toán góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng phát triển quản lý tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu phân cơ sở lý luận chung về hạch toán nguyên vật liệu với việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu và áp dụng lý luận đó vào thực tiễn kế toán NVL- CCDC tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I chúng ta càng thấy rõ được vai trò vị trí của công tác kế toán nguyên vật liệu trong việc đáp ứng yêu cầu của công tác kế toán và quản trị doanh nghiệp.

Xuất phát từ yêu cầu trên việc hoàn thiện tổ chức hạch toán NVL- CCDC là vô cùng quan trọng. Hoàn thiện tổ chức hạch toán NVL- CCDC sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận.

Bên cạnh đó, sự phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi kế toán nói chung và kế toán NVL- CCDC nói riêng một mặt phải thừa nhận các nguyên tắc chuẩn mực Quốc tế đồng thời sớm hình thành chuẩn mực kế toán theo thông lệ Việt Nam. Tuy vậy vẫn còn nhiều tồn tại của cơ chế trong công tác hạch toán NVL- CCDC : thủ tục còn nhiều phức tạp hơn so với Chuẩn mực kế toán Quốc tế.

Mục tiêu hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực bắt buộc chúng ta ngày càng hoàn thiện và xây dựng cho mình một mô hình hệ thống kế toán doanh nghiệp phù hợp có khả năng hội nhập vào nền kinh tế thế giới.



Nhận biết được tầm quan trọng đó các nhà quản lý công ty đã cùng phòng kế toán nghiên cứu tìm ra các phương pháp hạch toán, cách thức quản lý phù hợp với đặc điểm và tình hình sản xuất.

## 2.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán NVL- CCDC tại công ty.

Sau một thời gian thực tập, qua quá trình nghiên cứu và tham khảo ý kiến của cô chú trong phòng kế toán, em đã nắm bắt được một số nhược điểm trong công tác kế toán NVL- CCDC. Sau đây em xin mạnh dạn đưa ra ý kiến và một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán NVL- CCDC tại Công ty.

### 1. Hoàn thiện về công tác đánh giá NVL-CCDC

Theo nguyên tắc đánh giá NVL-CCDC nhập kho thì giá trị NVL-CCDC nhập kho phải bao gồm cả chi phí thu mua như vậy mới phản ánh trị giá thực tế của vật liệu đó.

$$\begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{thực tế} \\ \text{NVL- CCDC} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi} \\ \text{trên hoá đơn} \\ \text{(không có thuế VAT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua(Cp vận} \\ \text{chuyển,bốc dỡ...)} \\ \text{(không có thuế VAT)} \end{array}$$

**Ví dụ 1** : Ngày 12/ 12/2009 nhập kho dầu

+ Đơn giá : 26.200

+ Số lượng : 500 lít

+ Thuế VAT : 10%

+ Chi phí vận chuyển : 500.000 (chưa VAT)

Như vậy, trị giá dầu nhập kho sẽ là :

$$500 \times 26.200 + 500.000 = 13.600.000$$

Để thống nhất trong quá trình hạch toán phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, kế toán vật liệu tại công ty phải hạch toán như sau:

Nợ TK152.3 :13.600.000

Nợ TK133(133.1) : 1.360.000

Có TK331 :14.960.000

Tuy Công ty nhập nguyên vật liệu với số lượng lớn thì chi phí vận chuyển so với giá trị của NVL đó không đáng kể nhưng từ một nghiệp vụ phát sinh và

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I

---

sẽ tiếp tục có nhiều nghiệp vụ phát sinh khác. Như vậy nếu không tính chi phí vận chuyển vào giá trị thực tế NVL nó sẽ phản ánh không chính xác giá trị NVL nhập kho.

## **2. Hoàn thiện việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.**

- Hoàn thiện việc lập sổ chi tiết nguyên vật liệu:

Hiện nay do Công ty chỉ có một kho nên không phân loại nguyên vật liệu theo từng loại: nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế sửa chữa...) mà chỉ sử dụng TK 152 phản ánh chung cho tất cả các nguyên vật liệu. Việc hạch toán này sẽ gây khó khăn cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu chi tiết và tổng hợp.

Vì vậy công ty có thể phân chia sổ chi tiết TK152 theo từng loại hoặc nhóm nguyên vật liệu.

**Ví dụ 2:** Về tình hình nhập nguyên vật liệu tại kho của Công ty theo biểu số 9 ta có mẫu sổ như sau:

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

## SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

### TK 152-Dầu Diesel

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: lít

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7	8
		<b>Số dư đầu kỳ</b>								<b>0</b>	
PN72	12/12	Mua dầu cho HP2000	331	26200	500	13.100.000					
PX73	12/12	Xuất dầu phục vụ sản xuất	621.3	26200			500	13.100.000			
PN74	18/12	Mua dầu cho H97	331	7754.54	20000	155.090.800					
PN75	19/12	Mua dầu HP2000	331	7936.36	15000	119.045.400					
PX76	19/12	Xuất dầu công ty xi măng Thăng Long	621.3	7936.36			15000	119.045.400			
PN79	21/12	Mua dầu phục vụ sản xuất HP97	331	7936	5000	39.681.818					
PN80	22/12	Mua dầu cho HP2000	331	7936.36	20.000	158.727.200					
PX81	22/12	Xuất dầu HP2000	621.3	7936.36			20.000	158.727.200			
.....		.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....			
PX90	22/12	Xuất dầu Tàu Thái Bình Dương	621.3	7754.54			15000	116.318.181			
		<b>Tổng cộng</b>			<b>240.000</b>	<b>1.686.545.246</b>	<b>240.000</b>	<b>1.686.545.246</b>		<b>0</b>	

Ngày...tháng.....năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

## SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

### TK 152-Dầu nhờn

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: lít

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
Số hiệu	Ngày tháng										
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7	8
		<b>Số dư đầu kỳ</b>							<b>45 000</b>	<b>349 991 983</b>	
4/12	PN70	Mua dầu nhờn	331	13 000	5000	65 000 000					
8/12	PX71	Xuất dầu nhờn phục vụ sản xuất	621.3	11 000			5000	65 000 000			
.....	.....	.....									
27/12	PN80	Mua dầu phục vụ sx	331	11 000	1000	11 000 000					
30/12	PX89	Xuất dầu nhờn cho tàu HS04-XNHS1	336	11 387.99			1 500	17.081.988			
		<b>Cộng</b>			<b>25 000</b>	<b>215 978 509</b>	<b>30 000</b>	<b>222 042 509</b>	<b>40 000</b>	<b>343 927 983</b>	

Ngày...tháng....năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ tại  
Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I

## SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

### TK 152-Phin lọc

Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: chiếc

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7	8
		<b>Số dư đầu kỳ</b>							<b>26</b>	<b>160 167 890</b>	
20/12	PN77	Mua phin lọc dầu cho máy 620	331	6 064 000	1	6 064 000					
20/12	PX78	Xuất phin lọc pv sx trình Dung Quất	621.1	6 064 000			1	6 064 000			
		<b>Cộng</b>			<b>1</b>	<b>6 064 000</b>	<b>1</b>	6 064 000	<b>26</b>	<b>160 167 890</b>	

Ngày...tháng.....năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

## KẾT LUẬN

Qua các phần trình bày ở trên, có thể khẳng định kế toán NVL- CCDC có tác dụng to lớn trong việc quản lý kinh tế. Thực tế tại Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I cho thấy công tác tổ chức hạch toán vật liệu công cụ dụng cụ giúp lãnh đạo công ty nắm bắt được quá trình sản xuất kinh doanh. Nó phản ánh chính xác và đầy đủ tình hình thu mua, sử dụng dự trữ nguyên vật liệu. Từ đó Công ty mới có biện pháp chỉ đạo đúng đắn.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty, em thấy rằng với tư cách là một trong những Công ty Nhà nước, Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thúc đẩy quá trình Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá đất nước. Cùng với sự đổi mới và cải thiện hệ thống tổ chức kế toán chung của nước ta, hiện nay công tác tổ chức kế toán ở Công ty được hoàn thiện từng bước. Với mục đích đó em đã đi sâu nghiên cứu và qua đó đưa ra một số giải pháp nhằm đóng góp một phần nhỏ hoàn thiện hơn về công tác kế toán NVL- CCDC .

Tuy nhiên do thời gian thực tập và kiến thức còn hạn chế nên những vấn đề đưa ra không tránh khỏi những thiếu sót, em mong rằng sẽ nhận được ý kiến đóng góp của các Thầy cô giáo để khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Ths Trần Thị Thanh Thảo, các nhân viên kế toán trong phòng kế toán Công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I đã hướng dẫn, tận tình giúp đỡ em hoàn thành khoá luận này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, tháng 6 năm 2010*

Sinh viên

Đặng Thị Hồng Vân

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luận văn có sử dụng một số tài liệu tham khảo sau:

- 1- Giáo trình kế toán quản trị - Học viện tài chính- nhà xuất bản tài chính  
- Hà Nội năm 1999
- 2- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - TS. Nguyễn văn Công - Nhà xuất bản  
tài chính.
- 3-Trích tài liệu từ phòng kế toán của công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I
- 4-Hệ thống kế toán doanh nghiệp. Hướng dẫn sử dụng chứng từ kế toán,hướng dẫn  
ghi sổ kế toán – bộ tài chính- Nhà xuất bản tài chính,Hà Nội -2004
- 5-Một số luận văn của khoá trước

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b><u>CHƯƠNG I</u> LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU – CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT</b>	3
1. Khái niệm, đặc điểm công tác kế toán nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ. ....	3
2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ. ....	3
2.1. Phân loại vật liệu, công cụ dụng cụ. ....	3
2.1.1. Phân loại theo nội dung kinh tế và công dụng. ....	3
2.1.2. Phân loại theo nguồn hình thành. ....	4
2.2. Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. ....	5
2.2.1. Đánh giá vật liệu công cụ dụng cụ theo giá thực tế. ....	5
3. Yêu cầu quản lý NVL- CCDC và nhiệm vụ kế toán. ....	9
3.1. Yêu cầu quản lý vật liệu. ....	9
3.2. Nhiệm vụ của kế toán NVL- CCDC . ....	10
4. Phương pháp hạch toán nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ. ....	11
4.1. Kế toán chi tiết NVL- CCDC . ....	11
4.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng. ....	11
4.1.2. Sổ chi tiết vật liệu – công cụ dụng cụ. ....	12
4.1.3. Phương pháp kế toán chi tiết vật liệu- công cụ dụng cụ. ....	12
Hạch toán chi tiết theo phương pháp đối chiếu luân chuyển: ....	15
4.2. Kế toán tổng hợp vật liệu – công cụ dụng cụ. ....	18
4.2.1. Kế toán tổng hợp NVL- CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX) .....	19
4.2.2. Kế toán tổng hợp vật liệu- công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK).....	24
4.3. Tổ chức sổ kế toán. ....	25
<b><u>CHƯƠNG II</u> THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU – CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY NẠO VÉT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY I</b> .....	28
1. Đặc điểm chung của công ty Nạo vét và XD đường thủy I. ....	28



1.1 - Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	28
1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty nạo vét và xây dựng đường thuỷ I..	31
1.2.1. Cơ cấu bộ máy quản lý:.....	31
1.2.2. Chức năng nhiệm vụ .....	33
1.2.3. Cơ cấu bộ máy sản xuất. ....	35
1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty. ....	36
1.3.1. Tổ chức công tác kế toán.....	36
1.3.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán (có sơ đồ kèm theo).....	39
1.4. Hình thức kế toán của công ty.....	40
2. Tổ chức kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty.....	46
2.1. Đặc điểm NVL- CCDC tại Công ty. ....	46
2.2. Đánh giá vật liệu. ....	47
2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ.....	47
2.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu. ....	47
2.3.2. Kế toán chi tiết Công cụ dụng cụ.....	59
2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	67
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN</b>	
<b>VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY NẠO VÉT VÀ XÂY</b>	
<b>DỰNG ĐƯỜNG THUỶ I .....</b>	<b>77</b>
1. Đánh giá về công tác kế toán NVL- CCDC tại công ty.....	77
1.1. Những ưu điểm trong công tác kế toán tại công ty .....	77
1.2. Nhược điểm .....	79
2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán NVL- CCDC .....	80
2.1. Sự cần thiết hoàn thiện kế toán NVL- CCDC.....	80
2.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán NVL- CCDC tại công ty.....	81
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>86</b>